

TÔ - HOÀI

O CHUỘT

NHỮNG TÁC PHẨM HAY

Nhà xuất - bản Tân - Dân — Hanoi

O CHUỘT

CÙNG MỘT TÁC - GIẢ

Đã in :

QUÊ NGƯỜI, *tiểu - thuyết*
O CHUỘT, *truyện loài vật*

Sẽ in :

NƯỚC LÊN, *truyện ngắn*
GIANG THÈ, *tiểu - thuyết*
LỰA, *truyện ngắn*
XÓM GIẾNG, *tiểu - thuyết*

TÔ - HOÀI

O CHUỘT

TRUYỆN LOÀI VẬT

VŨ NGỌC-PHAN

đề tựa

NHỮNG TÁC PHẨM HAY

Nhà xuất-bản Tân - Dân — Hanoi

TỰA

Trong số những nhà văn nổi tiếng gần đây, Tô-Hoài là người có một lối văn thật là đặc-biệt.

Truyện ngắn của Tô-Hoài không những đặc-biệt về lời văn, về cách quan-sát, về lối kết-cấu, mà còn đặc-biệt cả về những đầu đề do ông lựa chọn nữa.

Ông không giống một nhà văn nào trước ông và cũng không giống một nhà văn nào mới nhập tịch làng văn như ông. Truyện của ông có những tính chất nửa tâm-lý, nửa triết-lý, mà các vai lại là loài vật. Mới nghe, tưởng như những truyện ngụ ngôn, nhưng thật không có tính cách ngụ ngôn chút nào : ông không phải một nhà luân-lý, truyện của ông không đề răn đời, nó là những truyện tả chân về loài vật, về cuộc

sống của loài vật, tuy bề ngoài ra vẻ lặng-lẽ, nhưng phần trong có lắm cái « ồn-ào », vui cũng có, mà buồn cũng có.

Tập truyện ngắn *O CHUỘT* này là một trong những tác phẩm đầu tiên của Tô-Hoài và cũng là một lập tiêu biểu cho lối văn đặc-biệt của ông, một lối văn di dỏm, tinh quái, đầy những phong vị và màu sắc của thôn quê. Cái tình ma và cái phác thực có lẽ được gặp nhau ở chỗ này.

Truyện loài vật của Tô-Hoài là những truyện về tâm tình của loài vật, của những loài thấp hơn loài người, nhưng trong loài người cũng không phải không có hạng gần như loài vật. Loài người theo lý trí nhiều hơn là theo bản năng, còn loài vật chỉ biết theo bản năng, ít khi biết theo lý trí, hay cũng có khi không có lý trí để mà theo nữa. Song cũng lại có hạng người theo bản năng nhiều hơn theo lý trí: đó là hạng khối óc dày đặc, không được đào luyện bao giờ; hạng người ấy thường theo tiếng gọi của dục tình và sự đói no. Cu Lặc và Thị Hoa trong tập truyện này chính là những người tiêu biểu cho hạng người đó. Tình yêu của Cu Lặc và Thị Hoa nảy nở ở như việc Lặc tổng ngừng vớt bèo hộ Hoa, rồi khi đã nên

vợ nên chồng theo cái tục lệ của người văn minh, hai kẻ ấy lại phải xa nhau vì ăn khỏe : họ găm giữ với nhau trong những bữa ăn như một đôi khuyển, họ đánh nhau, họ cắn nhau, rồi vợ một nơi, chồng một nẻo. Về truyện này, tác giả đã viết một câu cay chua và cũng thật là tình tứ : « Nếu họ cùng không ăn khỏe, thì họ yêu nhau biết bao nhiêu ! » Đó chính là một lời tóm tắt tất cả lẫn thảm kịch trong gia đình Lặc. Một khi gia đình tan vỡ, một khi tổ bị ra tro, Lặc lại trở về với cuộc đời bình thản ngày trước là làm vườn để được ăn no và ngủ kỹ. Lặc cũng gần giống như gã Chuột Bạch trong tập truyện này. Sau khi vợ Chuột Bạch hóc con Bọ ngựa mà chết, « gã ở trên đời một mình, để ăn gạo, để đánh vòng và để đi ngủ, dựng đứng hai chân lên. » Sống cái đời độc thân, gã Chuột Bạch béo và vui vẻ hơn trước, cũng như Lặc đã trở lại cuộc đời no nê và vui vẻ như ngày chưa vợ. Ta thấy rằng người với vật có thể rất xa nhau, và cũng có thể rất gần nhau. Đó chính là một lẽ khiến tác giả đã đặt truyện Cu Lặc vào tập truyện loài vật này.

Nhưng những truyện loài vật của Tô-

Hoài chung đúc trong một khuôn tâm lý và triết lý như thế nào ? Đó là cái phần hay nhất mà người đọc cần phải nhận thấy. Loài người hành động theo lý trí, nên cuộc đời hóa ra phiền phức, còn loài vật hành động theo bản năng, nên cuộc đời giản dị hơn nhiều. Tuy vậy, cả người lẫn vật đều phải chịu cái luật chung của Tạo-hóa là luật sinh tử, cho nên đối với loài người cũng như đối với loài vật, sinh tử là cái then máy của tất cả mọi sự vui buồn. Có điều là ở loài vật, cái vui cũng nhẹ, mà cái buồn cũng nhẹ, nó thoang thoảng như cơn gió buổi trưa hè.

Những ngày vui sướng của con gà sống giũa tình, những ngày hủ hê của con gà chọi « anh hùng », những ngày bẽ tha của con Đực, những ngày xum họp của đôi vợ chồng giũa đá, đều là những ngày chóng tàn để nhường chỗ cho những ngày ảm đạm, đầy chán nản, đau thương. Như vậy thì sinh tử, biệt ly, Tạo-hóa không dành riêng gì cho loài người, mà chính loài vật cũng có những cảnh xót thương, những ngày sầu thảm.

Đã thế, những con vật trong tập truyện ngắn này của Tô Hoài lại là những loài ở

gần người, nên những tập tục, những cảnh vui buồn của loài người đều ảnh hưởng ít nhiều đến chúng. Mấy bác mèo, bác chó, chú chuột, cậu gà, mụ ngan kia cứ làm sao không rập theo ít nhiều cách sống của loài người trong khi chúng chỉ là những kẻ ăn kẻ, sống nhờ bên cạnh người? Một điều đặc biệt nữa là những con vật đó đều ở Nghĩa-Đô cả. Chúng là những kẻ đồng hương với tác giả. Hơn thế nữa, cuộc đời của chúng cũng gần như cuộc đời của những người ở Nghĩa Đô. Về cuộc đời của đôi gì đó, Tô-Hoài viết : « Họ ăn ở dè dặt, bình lặng, chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khe lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa-Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cửi, trong bốn lũy tre già ». Đối với tất cả loài vật, từ con dế mèn đến con chó vện, cảm tình của tác giả vốn đã khăng khít, nên đối riêng với những con vật cùng làng hay cùng nhà với tác giả, tác giả lại càng nặng lòng thương yêu hơn nữa, và nhiều khi tưởng chúng cũng như loài người vậy.

Dưới con mắt của Tô-Hoài, những nhách chó nhỏ nằm vật lên nhau, rên ư ư mà ngủ kia, chính là « những đứa trẻ nằm mơ,

những đứa trẻ khoai củ ở nhà quê » đó ;
chị gà mái là « một người đàn bà giỏi
giang, đa tình thì nhất mực đa tình, mà
khi phải vướng vào cái bần phận dạy dỗ,
nuôi nấng con trẻ, lại đáng nên một bậc
mẹ hiền gương mẫu » : anh chó là « một
gã lèm bèm, ửng oảng, hay sinh sự nhỏ
nhen, nhưng tính tình lại phôi bò, dễ dãi
và thường chóng quên » ; chú mèo thì coi
bộ « lừ đừ và nghiêm nghị tựa một thầy
giáo nhà dòng đương khoác bộ áo thâm,
có cốt cách qui phái và trưởng giả, lúc nào
cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưu toan một
việc gì ghê gớm lắm. » Đó là những tính
linh riêng của mỗi loài mà tác giả đã xét
nhận rất đúng, và đã xét nhận theo con
mắt một người có từ tâm. Nhà luân lý học
trứ danh nước Pháp Vauvenargues đã viết
một câu rất ý nhị : « Đối với một người
hung tợn nhất, dù ai muốn nói thế nào mặc
lòng, nếu người ấy hãy còn yêu loài vật thì
chưa phải một người hung tợn ». Vì có
một tấm lòng rất hiền từ, rất dễ cảm động
trước những sự khổ não của loài người
cũng như của loài vật, nên Tô Hoài đã
tả loài vật theo một ngọn bút riêng. Có
thể nói : những con vật ông tả, đều là

những con vật « thượng lưu » cả. Tuy tính tình của chúng trong những truyện của ông có đúng mặc lòng, những cử chỉ của chúng người ta thường thấy được tăng bốc quá, tăng bốc cho chúng được « ra vẻ con người ». Về con Đực, Tô-Hoài viết : « Câu chuyện của nó đã ra chuyện ngày xưa. Thời gian đã làm ly tán cả Trỏ đi, trở về, kẻ chết, kẻ giang hồ mất, kẻ bị bán đi nơi khác... Mòn mỗi trong đám chó hậu sinh bảy giờ, một mình con Đực lặng lẽ sống cái cuộc đời tàn cực buồn thiu... » Thật rõ ra vẻ một nhà chí sĩ, nhưng đó chỉ là một cái tưởng tượng đầy thơ mộng của tác giả và do ở tấm lòng thương xót hết cả những cuộc sống quanh mình. Thương từ cái sống cốn con lặng lẽ, đến cái sống phức-tạp, ồn ào.

Những truyện loài vật của Tô - Hoài thường phản chiếu những cảnh sống của dân nghèo ở thôn quê, như truyện vợ chồng con gi đá phải đi ngụ cư, truyện gia-đình Cu Lặc tan vỡ, nên có nhiều đoạn được một vẻ buồn tê tái. Đã thế, ở hầu hết các truyện của Tô-Hoài trong tập này, thần Chết và thần Rủi Ro lúc nào cũng đứng cập kê đề phá tan cuộc vui cùng cảnh sống.

Trong truyện Tuổi trẻ, con gà sống gì theo tiếng gọi của tình yêu rồi lạc mất ; trong truyện Gà Chuột Bạch, vợ chuột chết hóc vì tham ăn ; trong truyện Đồi giẻ, tiếng pháo ngày tết làm cho gia đình nhà gì phải bỏ tổ mà đi ; trong truyện Một cuộc bề dâu, sau những ngày hùng cứ một nhương, anh gà trở độc nhỡn chết về bệnh dịch ; trong truyện Đạc, anh chó trở về già, nằm buồn thiu, nhớ lại cái kỷ vãng đầy khổ não ; trong truyện Cu Lặc, gã nhà quê này phải rời quê hương để tìm chỗ đủ cung cho cái bụng. Rút những truyện chết chóc, ly tán, tha phương cầu thực, dồn-lập một cách vô tình và tai ác đến những loài chỉ mong được sống là may. Ông Trời thật ! ất công quá. Người đời cứ tưởng ông biết thừa trù, mà kỳ thật ông chỉ hững-hờ và cay-nghiệt. Một kẻ như Cu Lặc đến canh miến cũng không dám ăn, « ăn nó lợn lợn quá, chưa nuốt đã tụt vào củ lỉ », cổ họng anh là thứ cổ họng chỉ để nuốt những cục cơm cháy to thêu lếu, vậy mà anh cũng không làm được cho cái bụng của anh mãn nguyện thì anh còn tin tưởng được sự gì tốt đẹp ở đời !

Những tâm hồn giản-dị ấy. cả tâm hồn vật lẫn tâm hồn người, Tô-Hoài đã mượn để diễn những nỗi thương tâm của cảnh ngày dài và nghèo nàn, nên tập truyện này ta phải đọc theo con mắt riêng, không nên phân-biệt người với vật, vì vật cũng là người, và nếu có người, thì người cũng gần như vật.

Tôi dám chắc tập truyện O CHUỘT này của Tô-Hoài sẽ đem lại cho người đọc những cảm-tưởng rất mới, những cảm-tưởng nửa vui, nửa buồn, vì nó có nhiều đoạn làm cho người ta cười nên tiếng khóc, khóc ra trận cười.

Thái-Hà-Áp, mùa Đông
năm Tân - Ty (1941)

VŨ NGỌC-PHAN

O CHUỘT

TRONG nhà, trừ người, chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bờ, mặt thủy. Hắn có phận sự chạy nhông khắp chốn, đề đánh hơi, đề hỏi ban và đề mắng những người lạ đi tơ mớ vào trong ngõ. Có khi cao hứng, hắn lộn xuống ao, tắm ; hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và buýt mấy tiếng còi, hắn cũng động cựa mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hắn cũng được việc. Ấy là khi hắn bơi ở trong ao để rồn vọt về chuồng. Chó bay lèm bèm, ủng oảng, sinh sự nhỏ nhen. Nhưng tính tình hắn lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên.

Còn mèo, rất khác. Mèo lừ đừ và nghiêm nghị tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hắn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào hắn cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưu toan một việc gì ghê gớm lắm. Có phải

thế chẳng, lỡ cái gã lừ đừ và nghiêm nghị kia ? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng cái vỏ ngoài chưa tẻ đủ nói rõ được bề trong của con người ta. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hăn lại lành hiền cũng nên ?

Hôm nay, tôi kể chuyện một gã mèo, một gã mèo trẻ tuổi. Y sống lặng lẽ trong một nếp nhà ngói cổ kính, giữa một vườn cây rộng, ở làng Nghĩa-Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà gù, bọn ngỗng, vãn vãn...

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thực là dị kỳ. Nó vừa trắng mau lưa, vừa xám màu tro, lại vừa đen xiu. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hòa hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chần dạ của các chú linh tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bần, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó xám như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như có tro ở bếp phủ lên — bếp tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài

mèo — mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vằn một chút tro bụi. Ngắm thì không đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó muốt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc như đôi hòn bi ve đề dưới ánh mặt trời. Hắc không có môi ; song hắc có cái mũi đỏ đỏ, đẹp như cặp môi son hồng của cô con gái mười tám đương thì. Đàn bà không ưa cái mũi đỏ ấy. Người ta bảo mèo mũi đỏ là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hắc có hai hàng ria cứng nhắc như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch, dè ngửa hắc xuống, lấy kéo cắt trụi cả đôi hàng ria xồm đuột. Nhưng chỉ qua ít ngày, nó lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đứng mực. Ban ngày hắc ngủ hoài ; cái dáng mèo nằm, dáng êm, dáng thanh, dáng lẳng, đẹp biết bao ! Lúc bấy giờ cái thân hắc nhẹ muốt, chỉ như một chút gợn gió phầy bay một nắm bông gạo nõn.

Ma giá ban ngày hắc có thức cũng không làm gì ; hắc chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung-lung, hắc mới ra

tay hoạt-động. Hắn đi rà-rà thau canh như người trương tuần.

Gã mèo có cái vẻ đạo-mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu để râu. Hắn hiền hiền mà lại ang-ác. Nghĩa là trông hắn thì không tài nào đoán được trong óc hắn nghĩ ngợi gì. Mà chừng hắn chẳng tư-tưởng chi ráo ! Hắn chỉ là một người rong chơi lông-bông. Chẳng đã có những bác trông mặt thì ra dăng dăm-chiều tư-lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ nào.



Gã ngồi đấy, ở trên mặt giai bễ. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gấp lại, y như lối ngồi xồm. Đôi mắt nhìn xa-xôi... Thỉnh-thoảng, theo thói quen, hắn đưa cẳng chân phải lên để gãi mép cũng như người ta sờ tay lên vuốt ria cho nó oai vậy.

Trời đã xế chiều rồi. Một chiều thu êm-ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng trên những tàu cau rách-rưới màu xanh om. Bên nhà ngang, tiếng guồng tơ quay đều-đều. Trên đường cái, lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau vừa la, nghe vang-động xa vời-vợi. Ngoài giếng khơi, người kéo

nước rào-rào. Cái gáo mo lạt-sạt đựng vào thành giếng đá.

Trong bếp lặng tờ. Bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng đến bếp nữa. Gã mèo mướp ngồi ngấm trời, ngấm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nuôi bốn chân ra để vuôn vai, rồi đi về căn nhà hiu-quạnh. Hắn bước từ-tốn và uyển-chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết định ý sao, hắn leo tót ngay lên, quào-quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau dấp trắng, rồi lại tụt xuống, lại đi lều-đều, đạo-mạo như trước. Hắn thường có những cử chỉ rất đột-nhiên. Hắn làm bất-ngờ như trong lòng đang khoái một điều gì mà hắn vừa nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét mặt tư-lự.

Y vào ngồi thỉ-li bên bếp tro. Y nghiêng mang tai để dũi vào một ông đồ rau, to bằng hòn gạch vồ lớn. Lúc nào y cũng ngửa và cũng cần gãi.

Bỗng y đứng im. Y ghéch đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe-ngóng. Hình như có tiếng lịch-kịch ở sau ống củi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên

đám mạng nhện có mắc bờ hóng đèn xam, bị gió đưa lúc-lắc trên trần bếp.

Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dùm bốn chân lại bước từng bước rất nhẹ vào phía đồng củi. Đồng củi đó người ta để phiền quá, vừa chường bếp, vừa làm cái rùng bùm-tum, chỉ tiện cho quân gian núp-náu.

Giống mèo là một giống, đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi gã mèo mướp nằm ngủ suốt đêm ở trên đồng củi. Đây là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con con rất vô danh, hễ tha được một hột cơm nhỏ cũng chạy thọt ngay vào đó để nhấm-nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch-liệt. Ý giả mèo ta tin rằng giống mình là giống giỏi nhất thiên-hạ ; những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô-lệ cho loài mèo thần-thánh. Thế mà cái giống thấp-hèn ấy không biết điều lại cứ hay tắt-mắt, táy-máy, bặng-nặng làm nghịch-mắt và rác tai người bề trên.

Hai cái tai anh mèo mướp hơi động-đậy. Ấy là khi anh đang hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dỏng lên như chiếc tai lừa tí hon. Cái vành tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống, nhìn vào gậm đống củi. Rõ-ràng gã trông thấy một cái đuôi nhỏ mà dài thò-lò dưới một mầu gổ. Đúng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại.

Lúc này trông gã mèo quái ác dị thường, thoát hẳn cái dáng lừ-ừ, hiền-hậu hằng ngày. Y quờ-quờ cái chân. Sau y biết làm thế hấp-tấp quá. Phải chờ cho cái đuôi chuột lòi ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc-rích ở trong. À có hai thằng chuột rũng mỡ đang đùa nhau. Chúng nó bả đến ngày tận số. Ai đời chuột lại dám đánh du-ở miệng mèo !

Tuy cáu, nhưng mèo cũng đủ kiên-nhẫn để chờ cơ-hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài, thò cái mõm nhọn ngửi chung quanh. Lộn tiết, gã mèo đã toan chớp. Nhưng chuột lại chạy

ngay vào mắt. Con mèo lại im lặng, chịu khó ngồi rình.

Bóng tối chụp xuống mau nhẹ. Vừa mới nhọ mặt người, bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhò tròn ở đẳng đầu tường. Một mảnh sáng nhòn-nhọt in trước sân bếp.

Trên nhà, người ta đã quẹt diêm để châm đèn sáng cho trẻ học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc lóc-cóc. Hai chú chuột ở trong gậm cũi, đáng hẳn thấy trời tối rồi thì muốn ra ngoài kia lắm.

Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò-cử quanh năm ma không chết ấy, bữa nay tắt đi chơi đâu vắng; nếu nó có nhà tắt đã nghe thấy nó rên gù-gù ở trên đầu ông đồ rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác được cái gì ăn thì bay qua.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước ra khỏi hẳn lồng cũi, đi lẩn về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau choe-chóe.

Hai cái hóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng được một ngón chân cái của người lớn ta. Đây là hai con chuột nhắt. Chuột nhắt bé hơn chuột chủ. Nhưng nó nhanh và hoạt hơn nhiều. Anh chuột

chù có cái mồm dài nghêu — cứ vác mồm đã đủ mệt — đi đến đâu cũng rụt-rụt dè-dè. Hễ hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt-hoảng chạy cuống lên, vãi cả đái và kêu rối-rít. Đã thế lại còn chậm và cũng không biết leo tường, leo cột, chỉ ở luồn-quần sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém nhất trong xã-hội chuột. Vậy mà thiên-hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải ưa cái thân hoi-hám của nó — chẳng đã có câu mỉa : « hoi như chuột chù », — nhưng người ta chỉ ưa có cái tiếng kêu : « *chuúc...chuuúc...* » Các cụ ta nói : « Ấy chuột chù bảo : *túc, túc* », nghĩa là « *đu đủ* ». Nhà ai, chuột chù mà cứ « *túc, túc* » luôn, ắt nhà ấy hẳn sắp có việc đại phát-tài.

Và đây chỉ là hai con chuột nhắt. Thân chúng nhỏ-nhắn, mồm chúng xinh-xinh, vừa phải. Về sự nhanh-nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun-vút, chúng chạy nhoăn-nhoắt như có phép biến hóa.

Thoạt thấy bóng đôi chuột lúi búi ra khỏi đồng củi, gã mèo mướp mừng khấp khểi. Nhưng rồi chàng chán dờ ngay ra. Nó tưởng chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhắt nép ranh ấy thì

nó đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn hơi sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu, chả muốn cất đại công trình mà chỉ được có một tý ty kết quả đấy thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy ! đưa một mấy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế, rồi vươn hai chân ra chop cả hai cái bóng đen cọ quây ở trước mặt. Có tiếng kêu « *chí...í...* » Một con chạy thoát được. Còn một bị nắm lại. Mèo gầm gừ đe thị uy và dọa dẫm. Chú chuột khốn nạn bị tóm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đây vuốt cong và nhọn hoắt của ông mèo, y như cái cánh rúm ró của chị của nhà què mà bị cụ ếch đại vương lấy một bàn tay mà vỗ vào mai.



Chú chuột nhắt bị mèo tha ra cửa bếp và được thả xuống đấy. Mèo không hề nghĩ đến sự nhảm chú chuột nọ. Dễ thường chàng ta ví mình như một người anh hùng cái thế, có thêm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu ! Sinh phúc cho chúng sống, còn hơn là tóm lấy chúng mà nhai. Chưa bỏ dính răng.

Nhưng vốn mèo vẫn ác tính. Gã không ăn. Mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là cái loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngáy ra mà nhìn. Con vật khò sở nấp co ro. Mèo ta đắc chí, lấy một chân vòn vòn vào mặt chuột. Bất tỉnh nhân sự từ nãy, giờ mới lại hồn, chuột khe khẽ thoi thóp thở. Mèo yên lặng, dáng ngẫm nghĩ. Gã không để ý đến chú chuột đang giương đôi mắt lồi như hai hột chàng ràng ra nhìn gã. Chỉ ti hí mắt lơn, mà ranh thượng hạng.

Bỗng, thoáng một cái, chú chuột chạy vụt vào phía trong. Nhưng chàng mèo vẫn nhanh hơn. Chàng vươn tay ra. Lại chớp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ối chao ! chàng ta mới đập cho chú nhỏ một cái nhá ! Chú nhỏ kêu « chí... chí!... » rầm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo hãy ra một trò chơi cho tiêu khiển qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh trăng. Giả vờ để yên chú ta đấy. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi, không nhúc-nhích. Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng lại rình chuột. Để hể khác ý là chuột

chuồn biển. Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vồ ngay lấy. Gã mèo dương oai thả lỏng và chắc chắn chẳng khi nào chú chuột chạy thoát nổi đôi bàn chân nhanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hắc lờ, cứ xềnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng vẫn không lần nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân, mèo ta chỉ nhoi đi một tý, đã tóm lại được rất dễ dàng. Mãi rồi con chuột hóa mệt lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng dần mất thú vị.

Khi đó, ở trong đồng củi, bỗng lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chẳng biết là chúng đùa nhau hay chúng định chơi cái lối chó cạy gần nhà, đứng trong ấy mà chửi đồng rạ. Toàn nhẩy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo lại vương có con chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền gầm gừ, gầm gừ, làm như sắp lăn ngay vào chiến tranh với những quân thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép cam ngay. Song chúng cũng không cam hẳn. Hể mèo mà ngắt tiếng, là chúng

nó lại « *chít chít* » rầm rầm. Làm điệu như
sỉ vả bác mèo.

Bực mình, mèo ta nhảy một bước. Chú
chuột nhắt đang nằm yên như chết, vụt
vùng chạy. Mèo hoảng hốt, thò dài chân ra,
nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được bóng
cái lưng của chú chuột in thoáng trên nền
đất giãi đầy ánh trăng. Hai mắt mèo long
lanh, sáng quắc! Cũng không thể đủ sáng
để chọc thủng được bóng tối dày ra mà tìm
lấy chú chuột nhắt tí hon.

Gã mèo sục vào đồng củi. Giá gã dám
đến vỡ đầu ra, cũng chẳng tóm được một
nõm chuột. Mà những tiếng *chít...chít* quái
ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên
lỗ tai.



Chàng mèo mập — mà chàng mèo nào
cũng thế —, không cố ý ăn thịt chuột
nhắt bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột
tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn
cáu kỉnh; vì loài chuột nép cù bặng
nhặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ
ngơi của mèo. Chính những con chuột lớn
lại đứng đắn, không âm ỉ đến thế. Chỉ vì
bực mình mà mèo bắt chuột nhắt. Nhưng

chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đời đời, cái giống chuột nhất tai quái cứ làm rức tai loài mèo.

Suốt đêm hôm đó, gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn đề tìm, đề lòng chuột nhất. Và có những đêm sau, hắn cũng đi tìm chuột, nhưng — vẫn khờ dại như thường — hắn chỉ tìm đề đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hắn lại khó chịu, bực dọc, hậm hực mà đi lòng bắt những con khác. Cái loài chuột nhãi cứ làm người ta rối đầu và ngứa mắt quá.

Có chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình đề mà chỉ luân quẩn đi o chuột.

TUỔI TRẺ

TRỜI sớm chưa rạng hẳn đã nghe thấy tiếng gà te-te gáy.

Tiếng gà non gáy e-é như một giọng rít hơi đưa từ trong cuống họng ra. Rồi thì cả nhà ai cũng nhắc đến :

—Ồ, con gà gáy đã gọn giọng ra phết đấy !

Một lát sau, cu Lặc ra mở tung hai cái cánh cửa chuồng gà vịt. Lập tức, anh gà trống te tái chạy ra đầu tiên, sau mới đến mấy mụ ngan lạch bạch, mười chú ngỗng khề khà vừa bước vừa thò cái cổ dài nghêu ra nghe ngóng. Thật là một cuộc diêm binh long trọng mà anh gà giữ địa vị một ông thống soái đi dẫn đầu. Nó nhảy phóc ngay lên cái sán chạn bát ở ngoài hiên, vỗ đôm đốp đôi cánh rồi lấy thẳng gân cổ, gáy

một câu rõ thật oai : « Kéc...ke... ke...ke... ».



Xa đây chừng hơn một tháng, một ngày phiên chợ Bưởi, u tôi mua về đôi gà nhỏ giá có gần ba hào cả hai. Người bảo : « Có thêm mấy con gà lắt nhắt cho nó vui sân ». Hai con gà — một trống, một mái — còn bé tẹo, đáng như vừa mới lia đàn, suốt ngày cứ rúc vào một góc sân và kêu chim chip bằng một giọng thăm thê. Chúng nó biếng cả ăn. Gạo rắc đầy ra chỗ cạnh cái lon nước mà thỉnh thoảng chúng mới mổ vài hột. Con gà trống đôi khi cũng nhanh nhẹn, chạy chỗ nọ chỗ kia, ngơ ngác như muốn tìm đường về. Còn ả gà mái dễ thương ốm bệnh nhor ; nó nằm liệt vị trong giữa bụi cây sồi mà kêu ai oán. Rồi được đâu có vài hôm, một buổi sáng, tôi mở cửa chuồng chỉ thấy có một nhách gà trống lò dò đi ra. Con gà mái nằm chết cứng queo dưới bụi gỗ. Người ta đem ném xác con gà chết ra đồng và từ hôm ấy, anh gà trống còn lại sống lủi thủi một mình.

Nó là một giống gà gì, thấp bé và nhỏ nhắn hơn giống gà thường. Nó còn nhỏ, chưa vỡ lông vỡ cánh mà lại ủ rũ như một người buồn cho nên trông càng đáng ái-

ngai. Lông cánh nó màu đỏ có đốm trắng, đốm đen nhưng bần quá thành ra một màu xám xịt. Cái mào nhu nhú tái ngoét ở trên đôi mắt lơ lơ mà lúc nào gà ta đứng cũng muốn nhắm. Hai cái chân nhỏ quá, thấp quá, xám đen lại, luôn luôn run rẩy như sắp ngã quy xuống, như không chịu được thời tiết, dù đây là thời tiết đầm ấm của những ngày mùa xuân. Nên khi nó đứng ở một góc sân kia, Lặc ném từng nắm thóc ở đằng này cho ngan, cho ngỗng ăn mà nó cũng không buồn chạy lại. Nó ngẩn ra nhìn lũ ngan con bước đi lúu lúu. Những con ngan nhỏ mới nở được ba hôm, chỉ to hơn cái trứng một ít. Chúng có bộ lông vàng óng — một màu vàng đáng yêu — như màu những con tơ nõn mới guồng. Như g đẹp nhất là đôi mắt và cái mỏ. Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng long-lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con ngươi bóng mỡ. Một cái mỏ màu nhung bươu vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm như thế, mọc ngắn ngắn dể dể trước, cái đầu xinh xinh vàng nõn và ở dưới lùn chũn hai cái chân bé tí màu đỏ hồng. Chúng nó chỉ líp-chíp khe-khe và lẩn-quẩn

ở dưới chân mẹ. Mụ ngan mẹ, lơ-đờ như một người đàn bà dụn và hiền, lúc nào cũng như mãi nghĩ ngợi một điều gì ở tận đâu đâu. Thỉnh thoảng mụ kêu kiu kiu, dụi mỏ vào lỗ con và lúc lắc cái đuôi. Lối chần con của mụ rất vụng.

Anh gà trống gi bé nhỏ và cô độc lắm lúc đứng nhìn đàn ngan bằng đôi mắt hớ-háy rất thèm muốn. Anh ngoe nguầy cái đuôi ngắn củn khi có mấy con ngan tý hon sấn đến chân. Và khi chúng hấp-tấp chạy lại với mẹ chúng đang lừ-dừ đi, con gà trống khốn nan cũng lây cái vui sướng, cong cóc đuôi theo. Nhưng đến gần, mụ ngan cái xù-xì liền giơ mỏ lên quàng quac mỏ nó. Nó chột tung bửng. Nó lùi lại, lảng đi một phía, nằn nơ kêu chim chirp, khắc khoải như tưởng nhớ, như đau thương. Có lúc nằm gục xuống vệ cỏ, buồn nghiêng một bên má, màng trắng kéo che kín mắt.

Tội nghiệp con gà gi bé nhỏ sống côi cút một thân, một mình !



Nhưng rồi nó cũng lớn và đẹp, sau đấy hơn một tháng. Qua mấy bữa ốm o, tiếp đến những ngày đẹp trời, có ánh nắng dịu

lồng đầy bóng sán, thì con gà trống bắt đầu rửa lông, rửa cánh, sửa sang bộ mã cho bớt hẳn ướt. Rồi trông nó cũng choai choai đẹp mắt và nhón nhao dân lên. Đến bây giờ ngấm nó cũng đã khá đường được.

Một buổi sớm, cả nhà đều nghe thấy một tiếng gì khang khác ở đằng sau nhà. Tiếng kêu rít như tiếng ho thúng thảng của một người khản cổ. Một lát, cu Lặc chạy học tốc vào gọi :

— Cả nhà ra xem con gà gì nó học gáy.

À ra đây là tiếng con gà gì tập gáy. Thảo nào. Nghe như tiếng người ta ọe. Nó đứng ở trên đầu một cái cọc giậu nửa, chốc chốc lại thưỡn dài cổ, phồng tương cái điều dựng cơm lên rồi đưa ra một hơi « *Quéc... ke. .ke...* » Cứ một lát lại t.ế. Gáy rất khó nhọc, nhưng xem ra anh gà khoan khoái lắm, mỗi khi xong được một tiếng như vậy. Vì thấy lúc tiếng « ke » cuối cùng vừa thoát ra khỏi mỏ, gà ta nhìn ngang nhìn ngửa, hiêng-hiếc hai con mắt tráo trảng ra vẻ lắm ! Và lại bộ tịch nữa.

Và rồi ngày ngày lần lần qua, con gà trống trút được một cái dáng điệu buồn thiu, buồn thiu buổi nọ đi. Có lẽ nó quên đàn, quên mẹ, quên con gà em chết hôm mới đây, quên, quên hết rồi. Vì nó đã

lớn ; khi người ta lớn thì những ý tưởng liên lạc về gia đình có lỏng lẻo dần dần. Con gà đang ở thời kỳ sẫm sứa, thời kỳ ăn chơi của một người thanh-niên.

Màu sắc trên bộ mã nó xăm lại, đen thì đen biếc, trắng thành trắng bạch và đỏ trở nên đỏ khé. Mào nó mọc dài, thắm hoe như dải lá cờ nheo. Đuôi nó uốn vòng lên từng chiếc lông dài huyền bóng. Mỏ nó thắm ngà vàng và rắn chắc, có thể mổ đôm đớp được vào thân một cây nứa tép.

Bây giờ những buổi sớm, cậu gà trống gì thường trở dậy gáy te te tự lúc chưa tỏ mặt người. Mỗi ngày cái câu « Kéc. ke..ke..» lại nối dài thêm tiếng « ke » vào. Bác xã Khóm làm nghề bán cháo rong bên hàng xóm đã phải theo tiếng gà báo thức để trở dậy làm hàng. Bác thường khen con gà gáy đúng giấc lắm !

Nó đứng đắn và hóa ra có bộ nặt khinh khỉnh ta đây. Nó bắt đầu coi thường mấy chú ngan nhép cứ quần bên chân, những con ngan nhỏ-nhắn ngày xưa đã làm nó vương nhớ đến mẹ nó. Nó thị uy bằng cách đá cho chúng mấy cái. Bọn trẻ con này sợ, phải lảng ngay ra xa. Nó rất bằng lòng cái sự tấn công đầu tiên mà lại được

thắng lợi. Dần dần nó lẩn lên một bước nữa, nghĩa là con gà gi của tôi, một bữa kia mỗ ông ngỗng cao lêu nghêu một cái vào cổ rồi lùi lại rất nhanh để giữ miếng. Ông ngỗng bại và lẩn. Thế là một lúc sau, con gà anh hùng và kiêu hãnh ấy nhảy lên, vừa đá vừa mỗ vào lưng bà ngan cái lừ đừ. Lúc này lại khiêm tốn, bà ngan cũng dờ dẩn, làm ngơ đi.

Từ đấy, con gà trống gi lên ngôi cửu ngũ ở cái sân nuôi gà vịt con con. Mỗi buổi mai, khi người ta mở cửa chuồng, nó bay ngay ra đậu trên một cái sào nửa ngất nghều, cất cao tiếng gáy trong khi mấy con ngan, mấy con ngỗng lần lượt dều binh qua ở dưới chân.

Ra vẻ tài ba lắm ! Cái dĩ vãng buồn 'eo kia thật là xa, xa vắng-lắc.



Đáng tiếc một nỗi, gà lại là giống gà gi, một thứ gà bé nhất trong loài gà. Cho nên những khi anh ta làm bộ tịch người lớn thì buồn cười như những anh lùn mà đi cái lối ngoe nguẩy. Gà cũng uống nước, cũng rĩa lông, cũng bếch mắt lên nhìn trời những khi nắng to. Chỉ phiền cái nỗi anh

Chàng bé và thấp lùn-chũn. Những bác lùn tíu lại hay dùng bộ điệu của người cao. Có một lần, anh mon-men sang bên sân nhà hàng xóm chơi, chợt gặp một bác trống thiến. Chao ôi ! sao mà bác gà trống thiến kia mới to tuế, béo mẫm làm sao ! Nó đứng mới đến bên anh bạn khổng lồ. Nó chuồn ngay về và từ buổi đó không bén mảng sang bên ấy nữa.

Nó đi kiếm ăn phương khác.

Và con gà gi nhỏ cũng đa tình lắm. Nó có cái tật mê gái, như cái tính chung của loài gà — cả của loài người. — khi mới lớn lên. Nó yêu rất ham, mặc dầu con đường tình của nó rất khó khăn và gặp nhiều trở ngại lớn. Là bởi một duyên cớ :

Xung quanh cái khu vực chỗ nó ở, tuyét nhiên không có đến bai gã gà gi. Trước sau, mỗi một mình. Tìm một người bạn tri âm bằng trạc, không tài nào thấy. Có vài ba chị láng giềng thì đã « nái xề » quá, chỉ biết đẻ trứng và biết « *cục ta, cục tác* » loạn xạ chứ không thể hiểu những giọng yêu-đương tình-tử. Mỗi khi anh gà trống đến gần chỉ chúng biết quỳ hai chân xuống cho bạn nhảy lên lưng, làm tình yêu theo cái lối cơm bữa của hai vợ chồng, chẳng hiểu

tán tụng xuân tình nửa lời. Anh gà gi đang ở cái tuổi mơ mộng, nghĩ những chuyện ái ân cao xa. Vả lại trạc vai cũng không bằng các ả mái nọ; có lúc buồn muốn gõ gạc, anh đến bên cạnh để xòe xòe cái cánh theo kiểu ghe mái, chực tán phỏ mát một đôi câu nhưng lập tức bị các nàng phản đối và bị các chú gà trống lớn — nhất là ông gà chọi — đánh cho chạy bán xác không kịp. Anh gà gi hoảng. Trong vùng quanh đấy cũng có hai chị mái tơ. Nhưng co lẽ nó đã biết thân phận cho nên không dám há mỏ tán tình. Hai chị thuộc về giống gà lớn. Tán như vậy nếu gặp những thằng nhân tình của chúng thì thật là một cơn tối đa nguy hiểm của những trận đòn ghen. Anh chàng chịu tho. đành chịu làm ăn một mình.

Nhưng anh rất bức mình. Những sớm sớm, những chiều chiều, đứng giương cặp mắt hau háu trong một bụi cây, nhìn từng cặp một vui thú tâm tình với nhau, lòng anh rạo rức và phiền muộn làm sao ấy. Chúng khinh anh bé nhỏ quá! Anh rất buồn rầu và buồn rầu, ảo não bao nhiêu anh lại càng bay cái kính, bức dọc với cái lũ ngan, lũ ngỗng ngu si bấy nhiêu. Anh đá, anh đập, anh mổ, anh đuổi.

Chỉ khổ cho bọn ngốc-nghech !

Nhưng rồi anh gà trống gì cũng học đòi đi kiếm ăn xa nhà. Hắn lần lần đến những khoảng vườn lạ. Như thế có lẽ lòng đỡ được buồn và trong khi rẽ bước giang hồ từ vườn cây này sang mô đất nọ, được từng trải và hiểu biết nhiều cảnh khác nhau, anh cũng giác ngộ thêm. Và anh còn có hy vọng mong gặp được một người bạn đồng tâm.

Anh hay đi vắng, ít khi phải về bới xó bếp nữa. Bây giờ anh đã tiêm nhiễm cái thú của sự du lịch. Có khi một ngày anh chỉ về nhà có một lần, lúc xẩm tối, khi trở lại chuồng ngủ.

Rồi không ai biết rõ là bữa nào, con gà trống ra đi. Có lẽ hẳn đi theo tiếng gọi của ái tình ? Chỉ có một sáng, cu Lặc mở cửa chuồng như thường lệ, thấy vắng anh gà gì, tìm cũng không có.

U tôi chép miệng :

— Mất con gà ranh con rồi !

☞ Tưởng là mất hút. Nhưng một hôm chúng tôi ra ngoài đầu xóm chơi, lại bắt gặp anh gà trống gì. Trông anh tang thương phờ phạc quá. Thực là gầy guộc phong trần cả đến lông đến cánh. Khi đó, chú gà đương

mải mải đi theo một chị gà mái. Đó là một chị gà mái gì. Chả trách được, bấy lâu nay vắng mặt chàng cũng là có lý và có nhẽ lắm.

Bọn trẻ chạy về gọi Lặc. Lặc đuổi theo hai con gà thì thấy chúng chạy xô cả vào một ngõ gần đấy. Người ta bảo rằng :

— Một hôm, tự dưng có anh gà này không biết ở đâu, theo cou gà mái của nhà tôi. Chẳng thấy ai trong xóm kêu mất gà nên tôi cũng mặc. Mà anh này tại mải tit con gà mái, ở liền ngay đấy, không rời đi đâu nữa !

Chúng tôi ôm con gà trống gì về. U tôi bảo Lặc ra ngoài xóm hỏi mua con gà mái gì kia để cho có đôi. Và cốt là để buộc cẳng chàng gà. Nhưng người ta trả lời :

— Ngày kia, nhà tôi có kỵ, Cũng phải giết thịt đến nó.

Thực thất-vọng gớm ghê cho anh gà gì. Và chỉ luẩn quẩn được vài hôm, anh ta lại biến đi đâu mất mặt. Nó đi tìm bạn tình của nó. Nhưng cái nàng gà gì đã khiến cho gã phải bỏ cửa bỏ nhà, thì chết rồi.

Lần này gã đi biệt hẳn. Song chẳng phải là đi với nỗi nhớ thương con người má đào mệnh bạc ấy ngàn đời. Gã mau quên lắm. Và chắc là gã tuổi trẻ đó lại lần mò đi tìm một vài cái ái tình khác !

TRUYỆN GÀ CHUỘT BẠCH

LÓNG nghe có tiếng rộn nhỏ nhỏ.
Lóc cóc... Lóc cóc ..

Như tiếng một cái guồng tơ quay khẽ khẽ. Nhưng không đã đúng hẳn. Âm thanh đó bé quá, chỉ vời vợi như tiếng tích tắc của một quả lắc đồng hồ trong đêm khuya.

Chẳng phải là guồng tơ đung dẫy. Vậy thì tiếng chi dầm dầm và ồn ã ở một góc nhà, phía bên cửa sổ, dưới một giàn thiên lý? Ánh sáng, qua những kẽ lá thiên lý xanh rờn, ủa vào, đóng thành vũng, như một thứ ánh sáng hư huyền, lơ mơ, chỉ hừng gợn lên mà không có thực. Tiếng gì vui vui trong ấy?

À, ra một gã chuột bạch đang quay tơ. Không phải là người. Chuột quay tơ? Phải. Gã quay cái kiêu riêng của gã.

Gã chỉ bé bằng một quả nhót và cũng mũm mĩm như thế. Gã ở trong một cái lồng nhỏ, hình vuông, đan bằng tre. Giữa lồng, người ta treo hai cái vòng tròn bằng thép nhỏ, sát sát từng cánh, như hai chiếc đu tiên tí hon. Chuột ta chui vào đấy. Bốn chân dạo thoăn thoắt trên những sợi thép. Thế là chiếc vòng quay tít theo từng bước nhảy. Con chuột loay-hoay chạy tròn mãi mãi trong cái vòng tròn mà không bao giờ hết được đường. Cái đu tiên xoay xung quanh một chiếc chốt. Chính ở chiếc chốt đó nảy ra những tiếng lóc cóc đều đều như tiếng guồng tơ quay.

Gã chuột bạch đánh vòng luôn luôn. Chán chán thì gã lại chui ra, vằn vơ, tìm những hạt gạo tẻ mà người ta rắc vào một cái đĩa dẹt ở đáy lồng, cho chuột ăn. Gã rung hai hàng râu tơ, gật gù cái đầu, nhắm gạo. Đôi mắt gã đỏ thẫm, như hai hạt gạo đỏ dính lên trên một nền bông nõn trắng. Bốn cẳng chân loắt choắt, ngắn cùn, và tro da đỏ hồng. Bři nổi đánh vòng nhiều quá, bắp chân đã kệp cứng thành chai. Ăn xong, gã nhìn quanh quẩn, ngược cái mũi bé xiu đỏ hoe hoe lên ngửi bên phải, ngửi bên trái. Rồi gã lại làm cái công việc đánh vòng liên liên.

Nếu không thế, gã đi ngủ. Gã đứng vào một góc lồng, dựng hai chân trước lên, đầu chụm vào chân. Hai mắt nhắm lại. Ấy vậy là gã ngủ. Ngủ đứng như một hộp diêm. Cứ cái kiểu đó, suốt đời.



Gã chuột bạch ăn; gã chuột bạch đánh vòng; và gã chuột bạch ngủ đứng. Đó là tóm tắt tất cả những công việc của một cuộc sống của chuột ở trong lồng.

Nhưng không phải là gã ở một mình. Bên cạnh cái vòng sắt đu tiên của gã, còn có một cái vòng sắt đu tiên khác, như hệt cái này. Và ở bên góc lồng kia, cũng có một con chuột bạch khác đương ngủ đứng lên. Vợ gã đây. Cậu và mợ chuột. Cũng rất có thể gọi được thế, chứ sao!

Dường như cậu mợ ấy cũng khá yêu nhau. Họ yêu nhau thần tình và tài ghê. Hai người cùng bé bỏng, cứ luồn quần chạy ngang chạy dọc xung quanh. Cậu gầy hơn mợ. Bộ lông xù lên và phờ phạc. Mà cậu lại có tính mơ mộng. Thỉnh thoảng, gã thương đứng ngẩn ngơ nhìn lên trên nóc lồng. Qua những chiếc lá thiên lý mỏng mảnh, ngoài kia là trời xanh bao la. Tưởng

như chiếc bình hài nhỏ bé chỉ điểm một chút sống còn con này đương giương cặp mắt đỏ, ngùi trông ra cái khoảng không bờ bến để mơ một giấc mơ sông núi chi đó. Chao ôi ! ai mà biết được lòng già !

Cả hai vợ chồng cùng ưa đêm tối. Bởi ban ngày họ thường ngủ. Bốn cái chân trước sát vào nhau ; bốn con mắt cùng khép. Chiều đến đã đem bóng đen về dần dà trong cửa sổ. Ở chênh vênh ngoài khung cửa, vì sao hòm từ từ lên cao, lấp lánh như một giọt ánh sáng lớn. Bấy giờ vợ chồng chuột mới bừng mắt. Họ ngơ ngác nhìn hoàng hôn. Già chuột đục mò mẫm tìm cái đĩa đựng gạo. Chị vợ cũng nhẹ nhàng đi theo. Họ gặm, nhấm mấy hạt. Những tiếng răng nghiền trên hạt gạo, nghe ken két, sần sật như tiếng một con một nhỏ cựa mình trong thớ gỗ.

Rồi già chuột mon men ra leo lên cây đu, chui đầu vào, đánh một vòng chơi. Chị ả cũng bắt chước, chạy về cây đu của mình. Hai cái vòng quay tít. Rộn lên những tiếng đăm đăm.

Những tiếng đăm-đăm trong đêm khuya ! Những âm thanh chỉ be bé, mơ hồ, gần như hư không. Lúc chậm, nghe rĩ-rách

như tiếng nước giọt gianh. Lúc mau thì bồn bồn như tiếng *vầy tơ* quay, lọc cọc như tiếng bánh xe sắt chạy trên con đường đá trắng dài hun hút, vào một buổi chiều vàng ngày ngất.

Riêng những đứa trẻ ở nhà, đêm nằm trong màn mà chợt thức giấc nghe tiếng guồng đu của chuột chạy thì sợ lắm. Chúng giương mắt thao láo mà cũng không thể nhìn thấy gì. Chỉ nghe *lóc cóc... lóc cóc...* Như tiếng của ông Ba Bị hoặc của một con ma nào chưa biết tên, rất thường hay ghét giống trẻ con. Chúng hãi hùng, rúm ró, ôm chặt lấy nhau. Đôi mắt khép kín lại. Thế là giấc ngủ cũ của mỗi trẻ lại tới để tiếp theo cho đến lúc mặt trời lên, chiếu ánh sáng qua khe liếp, vào tận trong đình màn.

Còn vợ chồng chuột chán đánh vòng thì lần ra ăn gạo. Ăn xong, lần thân thế nào, lại giở trò đánh vòng. Cứ như thế, luân quần cả đêm. Cũng có đến khi trời đã tang tảng sáng, có tiếng chim chích chòe hót véo von dưới bờ ao, hai vợ chồng lại chúi về một phía góc buồng, dựng đứng lên mà ngủ.

Cuộc đời chung ấy không có ai làm nhộn. Ý như họ mền những ngày tháng đó lắm. Đã một lần, có một đứa trẻ nghịch tình

mở cửa lồng xem chuột rồi quên không đóng lại. Đôi vợ chồng nối đuôi nhau, tha thần bò ra ngoài. Hai cái bóng đi lồm cồm bếch chiếc mồm nhọn hoắt lên, ngơ ngác nhìn quanh quẩn. Như là họ hít phải cái không khí lạ. Như là họ chẳng quen bò giữa nơi khoáng đãng. Và họ lại nối đuôi nhau, tha thần, từ từ bò vào, cũng như lúc bò ra.

Từ đấy, dù mở cửa, câu mợ chuột cũng không buồn đi ra. Họ yếu đuối. Ở ngoài, làm chi có gạo để ăn!



Trời đã trở về mùa lạnh. Những cụm lá *bánh khúc* thấp lè-lè, nở hoa vàng khắp cánh đồng làng Nghĩa Đô. Đã không có nắng lớn. Những đứa trẻ nghèo cũng hồng đôi má còm cõi. Mọi chúng khô cong lên, ăn cơm có nước mắm thấy xon xót. Chúng gãi vào da, da nổi lên những lằn bụi trắng. Buổi chiều, cậu nào rửa chân cũng ngại ngại, không yêu nước. Và đêm đã phải ngủ chung với chăn bông cùng ô rạ rồi.

Đôi vợ chồng chuột cũng lạnh. Phong cảnh trong cái cửa sổ lại buồn nữa. Giàn thiên lý đã rụng hết lá xanh. Chỉ còn trơ

lại những dây già đen dũi, còng queo trên
ngách cửa. Từng nắm lá khô, rúm vào
nhau, nắm co ro trong giàn. Đề mỗi buổi
chiều đỏ hoe, hễ chớm hơi một gợn mây
nhỏ, cũng tới tấp rơi lạt xạt xuống mặt đất.
Đêm đêm, vẫn có tiếng đánh vòng của
chuột. Những tiếng khô và giòn, cũng như
trời khô và hanh. Nhưng ít bữa nay, gã
chuột bạch không được vui. Ta cứ thí dụ
như việc đánh vòng đu là một sự vui làm
mực thước, thì thấy gã thừa trèo vào vòng
đu. Chỉ hay thấy chị vợ đập vòng. Anh
chồng đứng bần thần, mồm vêu ra. Người gã
chùng như gầy và bé hơn giao mùa hạ. Gã
đi đứng ra lối lữ khữ. Và chỉ ngủ là ngủ
nhiều. Đêm ngủ quên cả đánh đu. Mùa rét
vào rồi. Tại sao gã chuột lại buồn? Ý như
buồn vì tiết trời sang đông? Ý như buồn
vì heo may hiu hắt? Không, gã chẳng có
thể là một nhà thơ ưa những điều sâu muộn.

Mà chính chỉ vì những ngày lạnh lẽo tới,
gã phải thương yêu vợ gã nhiều quá nên
lờ phờ cả người ra. Biết rằng nên buồn, hay
nên vui!

Thì gã buồn như một kẻ ốm. Nhiều lần,
cũng hứng trí đánh đu, nhưng gã lại lười
lỉnh chui vào vòng đu của vợ để cho vợ

đầy vòng, mà gã cũng được hí hửng đầy, theo. Hai con chuột lồng chun; vào một vòng. Tiếng lạch cạch đi chậm, nặng và rền ra.

Vợ Lăn vẫn như thường và như thường. Đôi mắt nàng đỏ mà sáng. Bộ lông của nàng trắng nuột, óng ả. Giao này trở rét, lũ trẻ bỏ vào lồng cho vợ chồng chuột một rúm tơ rối để làm chần. Lúc nào đánh vòng đã chán chân, chị ả ra rúc vào những sợi tơ vàng nõn, dựng đứng hai chân lên, ngủ với chồng



Chiều ấy, chuột vợ thức dậy, bò ra ăn gạo. Gã chồng vẫn say sưa ngủ một giấc ngủ mệt mỏi. Nàng đứng bên vành đĩa, hướng nhìn ra ngoài lồng. Nàng chưa nhìn ra ngoài như thế bao giờ. Nàng vốn không hay có tính vẫn vợ như chồng. Mặt trời đã gác núi, nhưng ráng vàng còn lên đỏ xuống cả lũy tre. Thực chẳng phải vì bóng hoàng hôn u uất mùa đông mà nàng nhìn ra. Mà vì một cơ mọn khác. Chỉ tại nàng nghe thấy tiếng xột xoạt ở bên khung lồng. Thì ra, có một con bọ ngựa nhỏ ở đâu lạc lồng tới đậu vào thành lồng. Hình như gió đánh con bọ ngựa nhỏ này rơi từ trên cây xoan xuống và

bám được vào đây. Bộ ngựa mới ra ràng được ít lâu. Cánh chưa mọc dài đủ và màu người chưa xanh thắm. Đôi guơm hãy còn mềm, chưa có vuốt đen cứng và nhọn. Cái đầu bẹt của nó lồi ngang hai mắt sang hai bên, đu đưa nhanh nhẹn trên hai khấc cổ dài nghêu. Nó đứng dùm dè bốn chân, nghếch nhìn, như đề ngấm xem nơi này là nơi nao?

Nàng chuột bỗng được trông thấy một con vật nhỏ và xinh. Cái màu xanh mơn mớn ở mình bộ ngựa nom đến là ngon. Không ngần ngại, chị rón rén tiến đến mép lồng, thò mõm ra, ngoặt luôn chú bộ ngựa. Chú bộ ngựa xấu số chưa kịp giờ hai càng lên thủ thế thì cái cổ đã bị gãy gục. Và trong khoảnh-khắc cả người nó đã trôi vào họng chuột.

Một mạng lớn giết đi một mạng nhỏ, êm nhẹ như hơi chiều lặng lẽ sang.



Đêm ấy, không có tiếng rợn lóc cóc của cây đu. Cả hai cây đu cùng im ắng. Thiếu những tiếng động quen thuộc, canh khuya mới tẻ làm sao !

Sớm hôm sau, người ta ngó thấy nàng chuột cái béo tốt, nằm chết còng queo ở bên tum rác tơ. Bốn chân nàng rút rúm lại. Cái lưng nhỏ cong khum lên. Và mõm nhọn của nàng thì há hoác. Nhòm vào trong: còn cái đuôi bộ ngựa xanh xanh thò lò ra. Ôi ! cổ họng của nàng chuột bé quá, không đủ lối nuốt thoát được anh bộ ngựa. Nó tắc tị lại. Thế là nàng chết. Nàng chết nhẹ như một người chán cõi đời này, bước lên một chiếc ghế, cho đầu vào một cái tròng lọng bằng thừng day rồi rún chân đạp đổ ghế, cứ vậy mà đu đưa lủng lơ cho đến lúc tắc thở, thè dai lưỡi ra. Đề sang tìm ở *bên kia* (?) một cõi đời vui vẻ nào đó.

Nàng chết từ bao giờ, không ai hay. Gã chồng nàng cũng không biết chi cả. Bởi vì gã còn đương mải ngủ. Giao này gã yếu thì gã càng ngủ say tợn, Chim chích chòe hót sáng dưng bờ ao, gã cũng không nghe tiếng. Cho mãi tới khi ông mặt trời đỏ gay nhô lên, xua ánh sáng vào nhà, đánh thức lũ trẻ dậy thì gã cũng mới bừng mắt. Ở trong mớ rác tơ vàng, gã uể oải thò đầu ra. Gã liền nhìn thấy vợ gã rằm chết ngay dưới chân. Gã nhìn, bằng đôi mắt đỏ thường ngày, lạnh lùng và rất tự nhiên,

Rồi gã chui ra khỏi mớ rác. Gã bần thần bò đến bên đĩa gạo. Gã nhấm một hạt. Gã chạy quanh lồng vài vòng. Cuối cùng, gã lại men đến, chúi đầu vào mớ rác tơi, dựng đứng hai chân lên, liếm dim hai mắt, làm một giấc ngủ khác.

Như là chẳng có sự gì lạ thay tồi ở quanh mình. Tối đến người ta cũng lại nghe tiếng gã đánh vòng đu lóc cóc.



Từ đó, gã ở trên đời một mình. Ở trên đời để ăn gạo, để đánh vòng và để đi ngủ dựng đứng hai chân lên. Gã đã khỏe ốm. Không có đàn bà thì chừng như gã khỏe khoản lắm lắm. Lông gã mượt bóng và trắng nõn. Một mình đánh cả hai cái vòng — lúc chạy bên này, lúc chạy bên kia — nghe rộn rã, cũng vui. Mỗi buổi chiều, trước khi xuống ăn gạo, gã vẫn có thói quen nhìn và nghe ngóng ra ngoài lồng. Như là xem và đời hoàn hồn bằng khuâng lắng đến.

Chính gã cũng không biết mình đã góa vợ. Tôi thì tôi chỉ rõ được rằng bây giờ gã đã khỏe, đã mạnh và hoạt động hơn khi gã có đàn bà ở chung. Gã thậm thọt chạy đi chạy lại, nhanh nhẹn nhót.

Thằng này là một thằng bạc tình chẳng?
Cũng chẳng có lẽ!

ĐÔI GI ĐÁ

IT lâu nay, có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tặc tặc không được diêm tĩnh và đều đặn như mọi khi nữa. Ra vẻ sảng sốt. Như thể anh lo rằng có những kẻ lạ nào đương dò dẫm, tìm kiếm nơi ẩn chốn ở trong vườn nhà mình.

Quả đúng như nỗi lo của sẻ.

Có hai con chim gi đá, mấy bữa rày, thường lai vãng đến vườn. Chúng nhấm nhocht truyền từ cây bưởi sang cây khế, đến cảnh hồng bì. Sẻ ta đứng bắn khoăn nơi nóc hời, nhón nhác nhìn, ra điệu ghét lắm.



Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng bầy. Những bông thóc nếp mập

và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống. Màu
vàng san sát giải từ cánh đồng làng Nghĩa
Đò mệnh mong đến tận bờ tre làng Phú Gia

Theo với mùa lúa, từng đàn chim gi bay
về mọi cánh đồng. Và hai gã gi đá kia thần
thơ vào trong vườn này.

Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng
Có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau về mùa
thu vừa rồi.

Nếu nói so sánh, ta có thể nói so sánh
rằng đôi chim gi ấy tựa một cặp vợ chồng
quê mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lơ khờ, ngẩn
ngơ, xấu xí — nghĩa là đặc nha quê! Họ
thuộc loài nhà gi đá chính tông. Va hiệu là
gi sừng. Người loắt choắt, bé chưa bằng gi
cam, mà lại bé hơn cả chim sẻ. Trông một
gi đá chỉ bằng nửa chim sẻ. Vừa như
chiếc hạt mít mấm mạp, có dính chút đuôi.
Đôi mắt nâu lơ dờ. Cặp mỏ ngắn, cục mịch
thấy lầy trước đôi mắt như một viên cuội
xam xam. Lông màu nâu, mượt trơn và
mịn. Đôi chân cũng xam như mỏ. Ở con
chim gi, có linh bong một thứ người cù rù
nhưng nhẩn nại, lam lũ và luôn luôn chân
lấm tay bùn — thứ người cần lao của đồng
ruộng.



Một buổi sáng, vợ chồng gì ở đâu sà đến cây bưởi. Chúng kêu kéc kéc nhỏ-nhỏ. Thế là, trên nóc nhà, anh chim sẻ lắng tai nghe tiếng cũng tặc-tặc ầm-ĩ. Dáng hẳn chàng ta chửi đứa nào dám vào nhà mình. Nhưng chỉ nỗ mồm công-kích suông thế thôi, không dám xuống tận nơi.

Vợ chồng gì đá diềm nhiên, chẳng đề ý đến sự lèm-bèm đó. Chàng nghiêng mà nhìn cây hồng-bì rồi rùn cẳng nhẩy sang. Nhẹ như một chiếc lá rơi, và cũng lần ngay vào lá, không động tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng, nhưng bay hơi nặng-nề, đôi cánh vỗ xè-xè, bởi người nàng có đầy-đá chút đỉnh. Không hiểu nàng gì đá đã có con lần nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn mấy. Đầu hơi phờ. Lông bụng bạc phếch. Cườm ngực, cườm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có cái lối, của những người đen-bà xười-xĩnh khi không con thì con gái, ăn mặc xốc-xếch, chẳng thiết đến diềm trang gì nữa.

Chàng xáo-xác trong cây hồng bì. Cây hồng bì thấp nhưng dày lá. Vả lại, với một anh gì bé bồng, thế đã là khá cao rồi. Nàng cũng sạo-sục trong cây, như kiểm chác một cái gì. Chẳng có lẽ. Họ tìm

chỉ trong tùm lá hồng bì đó. Loài gì đã không thể biết ăn sâu. Đâu có bông lúa vàng ở đây. Kia, đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cut. Họ nghiêng má, nhìn trời. Trời cao và xanh, không cùng. Vút một cái, bốn cánh vút bay đi loang-loáng.

Người ta thấy ở ngoài đầu xóm, hai vợ chồng gì đã đến đậu trên một mái rạ cũ. Rạ đã bạc trắng và nát mủn. Chị chim gì hé mỏ mồm vào cuống rạ. Anh cong đuôi lên để lòi cuống rạ đứt ra. Khi đã lòi được, anh quắp lấy và bay vút đi. Cô ả cũng bay liền ngay theo. Họ bay về cây hồng-bì. Cây hồng bì ở ngay trước sân, bên cạnh một bể nước. Những lá mùa đông, rụng xuống, vàng úa trên gai nứa. Chàng đặt cuống rạ vào một cành hồng bì kín và cao nhất. Rồi họ lại bay đi, vợ theo đuôi chồng, đến lấy rạ ở lớp mái nhà nát nọ. Chị mổ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền hà, quắp ngay lấy, mang về cây. Công việc cứ thế, đều đều suốt ngày, như người ta mặc cửi.

Được chừng ba hôm, bác chim sẽ bay qua cây hồng-bì, đã thấy trong cây có lù-lù một nắm rạ lòng-thòng, bần thiêu như

một mớ rơm rửa bát. À, ra hai vợ chồng con gì đã đến ngụ-cư ở nơi này. Họ đang xây nhà.

Bao nhiêu công việc xây dựng, người chồng phải đương lấy tất cả. Chàng tha rác liên-liên về cây. Chàng xếp đặt cho thực khéo, thực gọn. Trong khi ấy, nàng chỉ biết có việc mỗ dứt cuống ra và việc bay nhõn-nhờ theo chồng. Thỉnh-thoảng nàng lai kẽ ca *kéc-kéc*, như để khuyến-khích hoặc nói bông cho chàng được vui vẻ. Chẳng hiểu chàng có thấy vui vẻ không, nhưng chàng vẫn bậm-bùi, cặm-cúi lèm như thương.

Chàng đặt móng cho nếp nhà mới bằng một lớp rạ. Rồi chàng đi tìm ở những bẹ cau và bẹ dừa lấy những sợi dây rất nhỏ. Việc tha những sợi dây này vẫn là việc của những người chõng chịu khó. Chàng đem về, đánh đai rất xinh, vòng trong những cuống rạ, dựng thành một khung tròn hình lòng tổ.

Cái lòng tổ êm-ái đã hoàn-thành, sau ba ngày chịu khó.

Bây giờ chàng đi tìm lá khô. Chẳng biết chàng mò-mẫm thế nào mà tha về được từng nạm lá ruối, đem chắt lù-lù cả lên

xunh quanh thành lồ. Mỗi chuyến chàng mang về chừng đôi ba tờ lá nhỏ

Một chuyến kia, vợ chồng gi đá song song bay từ ngoài bờ giậu vào vườn. Vừa sà xuống cây hồng bì, anh gi đá đã hoảng-hốt buông rời mấy chiếc lá, cuống cuống nhào lên, rồi bay tít-tấp ra tận ngai đồng. Chị vợ cũng nhón-nhác ruồi theo.

Có gi đâu ! Dưới gốc cây hồng-bì lộn-xộn bao nhiêu là người. Khắp sân, đầy đông những lượm lúa vàng rươi. Người ta kê một chiếc cối đá hồng, đáy ra dầy. Từng lượm lúa chắc nịch cặp vào hai thanh tre rồi người ta đập lên cối đá từng hồi, cho thóc rơi vung-vãi ra bốn phía. Họ vừa làm vừa cười cười, nói nói ồm-ồm, cả đàn ông lẫn đàn-bà. Thấy thế, vợ chồng nhà gi đá sợ hết vía. Không dám bén mảng về nữa. Nói của đáng tội, chiều hôm đó, cậu mợ cũng về. Nhưng ở sân vẫn còn tíu-tít ồn-ã những người, nên lại phải vội-vàng bay đi. Sáng hôm sau, chàng lại về. Mỏ có ngậm rác cần-thận. Song người ta vẫn thi nhau đập lúa thình-thịch. Chàng lại bỏ đi, để rơi mấy chiếc lá khô xuống đất.

Người ta đập lúa trong sân, bác sẽ mon men xuống kiểm-chác, nhặt những hạt

thóc rơi rụng. Không thấy bóng vợ chồng anh gì đâu đâu, ý chừng bác ta hã-hê lắm.



Gió may giạt-giào, đang lúc-lắc những cành hồng bì mảnh-khảnh. Cái tổ hoang kia, không chim nào chăm nom đến, những cuống ra ở xung quanh, đã ả sẵn, cứ trệ xuống dần. Rồi nó chỉ còn là một nắm rác-rưởi, một nắm bụi-nhùi của một đứa trẻ nào gài vu-vơ lên đấy. Hai con chim sợ loài người đã bỏ phí mất một cái tổ đương dựng. Nó sắp rơi hoài xuống cỏ mát.

Công việc gặt hái đã xong. Sân, vườn lại trở về hiu-quạnh như thường ngày. Chỉ còn tiếng anh sẽ rền-rĩ. Cây hồng bì, không phải mùa quả, hoang vắng và lạnh-lùng như một cây rừng. Đôi chim gì chẳng trở về nữa ?

Không, họ lại trở về. Một hôm, từ lúc trời vừa dưng sáng, đã nghe có tiếng lạt-sạt trong cây. Bấy giờ bác sẽ chưa trở dậy. Đến khi trở dậy, ra đứng ngoài đầu ống, thì bác đã thấy vợ chồng gì đó đương nối đuôi nhau tha rác về cây hồng-bì. Bác lại trông xuống mà hé cái mắt, bắt đầu kêu

han kêu vãi. Họ tha về những cuống ra nát:
Lại những cuống ra nát nhũn ! Bởi vì họ
lai bắt đầu. Nghĩa là vợ chồng chim gi lai
kỳ-cục xây lên trên cái ổ dờ-dang kia, một
cái tổ khác, mới nguyên. Lại những cuống
ra mục, lại những dây-dợ ở những bẹ
dừa, bẹ cau. Lại những chiếc lá ruối khô,
đã quăn-queo. Và lai vẫn anh chồng còn-
lơm tha rác suốt ngày để cho chị vợ thần-
thơ bay theo. Có khi, chàng bắt được ở
đâu cả một mảng mạng nhện nhăng-nhít,
cũng lôi-thôi tha về.

Chẳng bao lâu, cái tổ đã có lòng trứng
xuống, và những chiếc lá khô thì làm thành
một vòng cao lên. Ở trên trông vào, tựa
hình một cái rổ bé tí-tẹo của trẻ con chơi.
Giá ở nhiều loài chim khác, như chào-
mào sáo sậu, ắt cái tổ kia đã được khánh
thành. Nhưng với gi đá, chàng chưa thể
gọi thể là xong được. Họ còn tạo-tác thêm.
Nói là họ, cho ra vẻ có vợ có chồng mà
thôi, kỳ thực công việc xây-dựng đều do mỏ
và chân của anh chồng. Chàng nựng vợ
đủ điều.

Chàng ta đi kiếm ở các xó vườn lạ về
những cẳng lá soan, cẳng lá khế đã khô
đét. Chàng xếp thành từng lượt ngang lượt
dọc trên nóc tổ. A ! Anh chàng lợp một

cái mái. Cái mái nhà để che mưa và che nắng. Chàng lại đi khuôn lá ruối khuôn cẳng rạ về và xếp một lượt dầy lên trên những lượt cẳng. Xong xuôi dáu dấy cả rồi, chàng loay-hoay khoét một cái lỗ. Khi đục xong lỗ, vậy là lúc công cuộc làm tổ đã hoàn-thành. Chàng chui vào trong tổ kêu lên mấy tiếng *ke ke*. Ở ngoài, vợ chàng cũng đáp lại như thế. Chàng liền bay ra, đứng cạnh nàng, tổ vẻ âu-yếm. Chàng xích lại một chút. Chị vợ cũng dún dún đôi chân và rung-rung đôi cánh. Hai cái mỏ chiu vào nhau. Đôi chim hoan-hỉ nhìn nhau và cùng xù lông ra rũ phành-phạch. Chàng khoan-khoái bay tung-tăng đi vu-vơ đâu một lúc, rồi lại trở về, cùng chui tọt vào tổ. Cái tổ kín và riêng tây như một nếp nhà của người ta

Thế là tổ đã làm xong. Trông nó xấu-xí tựa một mớ rác lộn. Song đó chỉ là cái bề ngoài không quan-hệ thôi. Nay, chúng ta hãy đến gần, ló đầu vào một tý, mà xem. Đường cửa tổ tròn, xung quanh nhẵn thín, chui ra chui vào rất gọn, không vương vãi mảy may. Cái lòng tổ thì êm và mịn, vừa chỗ cho nàng gi cái nằm. Gi dục chỉ rón-rén nằm gếch bên cạnh. Hai cái mỏ cùng chia ra phía cửa.

Từ hôm ấy, sớm mờ-mờ đã nghe tiếng gi động lạt-xạt trong cây hồng bì. Họ đùa nhau. Họ hôn mỏ nhau. Và có tình yêu luôn-luôn. Chị vợ chỉ nằm xù-xù trong ổ cả ngày. Nàng ấp dón cho những ngày sắp sinh trứng. Đến khi hoàng-hôn xuống, thì cả hai vợ chồng cùng chui vào ổ, nằm chầu mỏ ra ngoài cửa.

Họ chờ ngày đẻ trứng.



Những gã chim hét đen chặm-chặm, mỏ vàng bệch, đã từ phương xa bay về. Đó, những dấu báo hiệu của mùa lạnh sắp đến.

Gió may trở về đã từ lâu, hiu-hiu và hiền lành. Nhưng chiều ấy, gió may bỗng trở mạnh và đột nhiên hóa cáu-kỉnh, nổi cơn đùng-đùng. Trời dất âm-u xầm lại. Từng làn mây nước lờn xam-xi, chuyển vận theo gió, bay xuôi hôn-dộn, tới-tấp như ở trong một cuộc thay đổi kỳ lạ của vũ-trụ. Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều-đều nhưng không to lắm. Vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lại dai, nhỏ-nhỏ như thể, hết ngày ấy sang ngày khác. Ông mặt trời đã đi đâu

mắt, để cho trời đất cứ thi nhau khóc ra mưa ra gió. Người ta đều phải ở trong nhà. Đường cái trong làng lầy-lội, bùn xám ngập cao tới lưng ống chân.

Đôi chim gì cũng phải ở trong nhà. Chúng nằm do-dó mà nhìn ra xem mưa. Chao ôi! cái thứ trời gì mà cứ xối mãi nước xuống, xối mãi nước xuống. Mưa ba hôm, đôi chim đã bắt đầu thấy buồn huồn. Mưa được bốn ngày thì lạnh-lạnh. Những hạt nước đọng ở trên mái tổ rích vào, thấm xuống, ướt hết cả xung quanh. Nhưng sự lạnh và sự thấm nước đó chưa đáng để ý bởi đôi chim mặc một bộ lông dày và họ có hơi nóng của nhau. Song chúng không dám bay ra ngoài. Nằm nhìn đôi cũng đã thường quen, không hề chi. Trời vẫn mưa. Bây giờ lại có những giọt nước mới nữa đến, lá và cành khô không chịu thấm được hơn. Chúng lăn trên mái tổ rồi rỏ tạch-tạch xuống đầu vợ chồng gã chim gì. Lại có thêm gió. Gió đu-lùa cành cây hồng bì. Từng loạt nước rơi xuống rèo rạo, liên tiếp. Vợ chồng gì đá xù lông ra lắc bụi nước. Nhưng rồi bụi nước — tuy đã lắc mãi — cũng bám được vào lông chim. Hai cái đầu thấm nước, bết lông vào với nhau, bé tọp hẳn lại. Trông

thấm như hai người ốm liệt giường mà bị cạo trọc đầu. Lúc này là lúc mà vợ chồng chim gì không thể nên được nữa. Nếu họ không đi tránh mưa, nước cứ rỏ tạch-tạch luôn vào đầu thì đến chết rét mất. Bối trời lạnh. Buổi sáng, người ta mó tay vào trong nước thấy buốt thon-thót. Mưa thì liên-miên. Giọt gianh chảy rinh-rích xuống bốn bên xung quanh nhà.

Cho nên một hôm, hai vợ chồng chim gì đành lòng rời cái tổ ẩm-ướt, đi tìm một mái nhà nào kín đáo để tạm ẩn. Chúng bay đi trong bụi mưa, bốn cánh vỗ nặng nề. Bấy giờ mới là xế trưa, nhưng trời đầy mây xám và trắng những nước, nên tưởng như trời đã sắp tối. Vợ chồng chim gì rời tổ, bác sẻ già kia không biết. Mấy bữa nay mưa gió, bác ta rúc tránh vào tận đáy ống tre.



Nhưng cũng vẫn còn cuộc trở về của đôi chim. Ấy là một ngày mùa đông có nắng, sau trận mưa ghé-gớm liên-miên đến nửa tháng. Mọi vật vẫn chưa khỏi hẳn ẩm-ướt. Nước ẩm nhiều quá. Bức tường ngoài đầu ngõ, rêu thấm lên xanh om. Tuy

nắng, nhưng nắng chưa đủ gây ấm. Không khí vẫn phảng phất hơi giá.

Đôi chim gi lla tồ ngo-ngác ở đâu về đậu bên cây bưởi. Bác sẽ ở dưới sân, đứng trong ánh nắng dề hong lông, hong cánh, trông thấy đôi chim đáng ghét liền bay vù lên nóc nhà và kêu choe-chóe như bị ai bóp cổ. Chàng gi đực liệng vào trong chòm lá hồng bì. Chàng vào thăm tồ. Trận mưa cũng có làm hư-hại mất đôi chút. Mấy chú nhện lạc-lỡng nơi nào tới đã chẳng mạng kìn cả cửa ngõ. Gi ta mới tức làm sao ! Hấn mỗ luôn cho mảy mỗ, tan-hoang cả khung cử nhện. Vào trong tồ, hấn dùng mỗ và cẳng, bới xếp, dọn lại một lát thì giường nệm lại phẳng-phiu gần được như cũ. Hấn chui ra, nhường chỗ cho vợ vào. Chị ả lại nằm xem-xếp thò chiếc mỗ ngăn ngăn ra cửa.

Và hai vợ chồng lại luôn-luôn thay nhau ấp tồ. Mười hôm, gi cái đã đẻ ra một chiếc trứng nhỏ xíu. Trước sau chị đẻ ra được bốn chiếc trứng. Bốn chiếc trứng chỉ hơi nhỉnh hơn bốn củ lạc lớn, màu trắng đục có lốm đốm nâu, nằm đều-đặn, gọn thon-lớn trong lòng tồ. Chị gi phải xòe lòng bụng ra mới đủ che kín được cho cả bốn trứng,

Trong cái tiểu gia-đình này, người ta nửa mừng và nửa lo. Sáng ngày ra, hai vợ chồng hát nho-nhỏ. Họ hát ra sao ? Chỉ có mỗi một điệu hát *ke ke*. Và riêng khi nào vui lắm, âu-yếm nhau lắm, họ mới rung hai cánh mà làm điệu *mở ri ri ri...* Họ ăn ở dè lén, bình lặng, chịu khó, ít ồn-ã. Cuộc đời trôi chảy âm-thầm dưới khu lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa-Đô, cần-cù và nghèo khó trên cái khung cửi, trong bốn lũy tre già. Họ ít nói năng. Trái hẳn với loài sẻ lấu-tấu, luôn mồm kêu lải-nhải.

Bốn trứng đã tới kỳ nở. Những cái mỏ nou-nớt tự mở rạn bốn vỏ trứng để thoát ra. Thế là bốn con gi nhỏ vào ánh sáng. Mẹ chúng nhảy ra cửa, đứng doạng chân, ngó bố của chúng đứng gần đấy. Bốn con mắt nâu đục nhìn nhau lơ-láo.

Bây giờ cái tổ là chiếc giường của người đàn-bà con mọn. Bữa bãi đầy những vỏ trứng vỡ, bần thiu như mấy cái tã. Líp-nhíp bốn nhách chim đỏ hỏn. Mụ gi cái lại càng phơ-phạc, dơ-dân tợn. Anh chồng cũng ra vẻ lo-lắng thay ! Song giờ đương là đầu tháng chạp. Không còn mưa rớt của tháng bảy như trận mưa tầm-tã hôm

xưa nữa. Thời tiết lạnh, nhưng hanh và khô cứng.

Bốn con gì cũng đã nhớn-nhao. Bố mẹ chúng rạc cả người, về nỗi đi kiếm mồi nuôi con. Chúng lớn dần dần. Cùng với tết Nguyên-Đán, cũng lần-lần nghiêng đến với mọi người ta.



Năm nay, ở Nghĩ-a-Đô, người ta ăn một cái tết Nguyên-Đán không vui. Bởi vì làng có mỗi một nghề làm lĩnh, lụa thì lĩnh, lụa lai ế. Hàng dẹt ra không thể bán đi được. Chẳng có ai mua. Nhiều khung cửi phải xếp lại. Những guồng tơ bỏ trống. Vẳng tiếng lóc-cóc ran-rỉ của cái *váy tơ*. Ngày phiên, không có những bác thợ cửi say rượu, mặt đỏ gay đi chệnh-choạng trên đường cái làng. Công việc chẳng có, hoặc bao nhiêu dấn vốn đến hết cả, người ta đã phải đi quây đất thuê, đi làm thợ nề và đi lên tỉnh Hà-nội kéo xe. Có những kẻ liều-lĩnh đã ký giấy « mộ phu » sang nước « Tân-thế-giới ».

Cái tết hững-hờ đến với mọi sự lạnh nhạt. Giá gạo cao tới ba đồng rưỡi một chục đấu nhỏ. Xưa nay chưa cao như thế bao giờ ! Túng quắn quá, người ta không

cần và không thể nghĩ đến lo tết lắm nữa. Hàng lá dong vào làng rao ơ-ơ, rồi lại ê-hề quảy ra. Làng mạc buồn teo.

Chiều hôm ba mươi, cả làng vắng tanh. Ấy là một buổi chiều bõn-chồn và khó chịu. Người ta ở cái hoang-lộn u-uất đó để đợi một năm mới vẫn hằng mong ước, sắp đến. Một năm mới đầy những bí-mật của hi-vọng còn khuất ở bên kia một lần lặn mặt trời và một đêm đen thẫm, nặng chịch nữa. « Nhờ phép tổ », mà nghề-nghiệp có được khá-khăm chẳng !

Gia-đình tôi cũng không còn phong-lưu như xưa. Ngày mồng một, không có pháo để đốt. Tôi mặc tấm áo vải chéo go cũ đi đôi guốc sơn bóng nhoáng, đầu vuốt nước lã lên để rẽ cho được mượt. Tôi thơ-thần trong cổng tán hai tay thủ túi, buồn ngẩn-ngơ. Cả làng, chỉ có vai nhà đốt pháo. Nghe lẹt-đẹt như tiếng gõ mẹt vậy.

Nhưng sang ngày mùng hai, nhà tôi được tiếp một người đến lễ tết. Khách có đem theo một bánh pháo : bác Quyền Vực, người bên làng Phú-Gia, một học trò « tam tự kinh » ngày xưa của ông ngoại tôi. Bác Vực đi lính, tết được nghỉ phép về chơi quê.

Bác ăn vận rất ngộ. Đầu bác đội chiếc mũ tây lợp vải vàng và mặc quần áo cũng màu vàng, xù ra. Bắp chân quần xa-cạp chặt-chẽ lên tận đầu gối. Bác dận một đôi giày có cổ rất lớn, da mốch thếch như da cóc. Đi nện gót trên sân gạch, nghe kêu kệt-kệt, dến ghê.

Lặc cầm bánh pháo của bác Vực, đem ra sân. Bánh pháo dài chưa đủ một gang tay. Hắn treo lên trên cây hồng-bì. Rồi hắn cầm một cái sào dài, đầu có mồi lửa, một tay bịt tai, một tay run-run, châm. Pháo bén lửa nổ xi toạch, xi toạch toang-toang. Mười cái xác pháo toàn hồng, rắc ra sân như những cánh hoa đào bích.

Con Đực đương luồn-quần dưới bếp, đột nhiên nghe tiếng pháo, hốt-hoảng chúi cổ cúp đuôi chạy biến ra ngoài đồng. Nó sợ. Lặc phải đi tìm và lôi nó, nó mới dám về.

Nhưng cái gia-đình chim gì ở trên cây hồng bì thì không hao giờ còn về nữa ! Sớm ấy, bỗng nghe tiếng pháo kinh-khủng nổ vang động trong cây, cả nhà cuống cuống bay đi. Những con chim nhỏ ngã xuống, cũng cố vỗ cánh mà bay ngoi-núp Tan-tác mỗi người về một phía. Ai cũng lạc-lỡng ! Tội nghiệp, bốn con gì nhỏ mới

ra rằng. Ngày nào chúng cũng đứng chen chân nhau ở cửa sổ để ngó-ngác nhìn ra xung quanh và nhìn lên trời. Bố mẹ chúng thì lượn xập-xè như muốn bay cho các con bắt chước.

Sớm ngày mùng hai tết Nguyên-Đán ấy, sợ những tiếng pháo nổ một cách rất vô tình ở dưới gốc hồng bì, đôi vợ chồng gì đó chịu khó và nhẫn-nại kia, cùng một đàn bốn đứa con thơ dại, tan-tác bay đi, không bao giờ còn trở về cây nữa. Chẳng ai biết được cái bầu đoàn khốn-khổ ấy long-đong bập đi đâu và về sau ra làm sao !

Đến độ tháng ba năm đó, đương mùa hoa bưởi nở, cũng có một đôi chim gì lảng-vảng đến vườn — biết có phải những gã chim cũ ! — song chúng chỉ đậu trong cây bưởi một lát. Bác sẽ già đứng trong đầu hồi, ngó cõ xuống, trông thấy, liền kêu tặc-tặc rộn-rã như muốn khơi chuyện cãi nhau.

MỘT CUỘC BÈ DẦU

AY là một tay hảo-hán trong loài gà trọi — cái loài sống ở trên đời, nhất sinh chỉ có một nghề đi đánh lẫn nhau cho người ta xem. Tay ấy oai lắm. Chẳng thể có đủ chữ mà tả cho hết cái oai lắm-liệt của chàng. Ờ, mà ta có thể cứ gọi chàng là ông Từ-Hải. Ông Từ-Hải chọc mây khuấy nước, đầu thì đội trời, chân thì đạp đất.

Râu hùm, hàm én, mày ngài,

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

Đường-đường một đấng anh hào....

Đấng anh hào nọ được phong vương — hay tự xưng cũng thế — ở đất này đề cai trị hẳn cả một khoảng vườn rộng. Mà trong gồm có một chuồng gà, một chuồng vừa vịt, vừa ngan, vừa ngỗng và một chuồng

chim bồ câu. Đại-vương chỉ có mỗi một mắt và mang trên mình bộ mã ó miễn tia, — cái thứ áo có lông đen nháy, điểm dòng dọc đỏ. Chàng bị độc long là bởi trong một cuộc lên sới gần đây, phải địch-thủ đánh một cái đá mé, lòi bật con người. Từ đấy, người ta không cho hắn ra trận nữa. Để nuôi cho đẹp sân.

Chàng gà trội đứng thẳng người, hai cái cẳng chân cứng và lẳn như hai thanh sắt, phủ đầy những vảy lớn sắc vàng bóng. Đôi bắp đùi chắc nịch, gân lên những thịt. Chàng chỉ có lông trỏ ra hai cánh, ở trên lưng, ở đuôi và lơ-phơ mấy chiếc quăn-queo dưới bụng. Lông ấy được xén, cắt thực gọn. Đầu chàng to và hung dữ như dáng một chiếc nắm đấm. Cái cổ bạnh và hai bắp đùi thì đều lộ ra. Da chàng đỏ găng, đỏ hắt, đỏ tía, đỏ bóng lên như có quét một nước sơn thắm. Mặt chàng lúi-sùi những mào, những tai, những mấy cái ria mép — tím lịm như mặt anh say rượu. Một bên mắt thì lép mịt mờ, còn một bên cứ chớp chớp nháy nháy cái trông vàng hoe.

Lúc gã đi, hai đầu cánh nhô lên thụt xuống, rõ ra điệu của một anh chàng cuồng võ, lúc nào cũng chỉ ngửa ngáy chân tay.

Buổi sớm, khi cậu gà gi te-tái chạy ở trong chuồng ra, dẫn đầu cho ba chị gà, một bác ngan với một lũ con líp-nhíp và mấy thím vịt, thì, ở nóc chuồng, chọi ta cũng nhảy xuống, hai cái chân gieo bịch trên nền sân đất. Chàng không ngủ trong chuồng với những con gà khác ấy. Chúng làm quần chân. Bởi vì chàng cao quá, đầu đụng tới tận nóc chuồng ; nếu phải đứng khom khom cổ thì chàng chịu, không thể khom khom được.

Chàng đưa mắt nhìn quanh sân một lượt rồi vỗ đồm-độp đôi cánh, lấy gân thẳng hai chân, cong bạnh cái cần cổ và phưỡn ngực ra gáy lên một hồi : *côôô... côô... cô... cô... ó...* Tiếng gáy mới to khiếp. Nghe ò-ò như nghe tiếng nước mưa rào chảy vào trong một vành cổng hẹp.

Côôô... côô... cô...cô... ó...

Những thím vịt nhút-nhát luống-cuống đôi chân, nghiêng một bên má để hiếc mắt lên trời, ra điệu nghe ngóng. Có thím lại hãi quá, *cạc cạc* một hồi ầm-ĩ, như muốn kêu : « Ai cứu tôi với ! Cạc cạc cạc ! Ai cứu tôi với ! ». Cậu gà gi đương làm bộ tịch, đứng diều võ dương oai ở trên đầu mỗm cọc tre cũng giạt nầy mình, hai mắt

nhón-nhác. Hai khoeo chân đã khum xuống, chực sự lủi ; rõ ra bộ anh hùng rơm.

Loài ngan xưa nay có tiếng là gan góc, lúc nào cũng lì-lì lăm-lăm. Thế mà nghe tiếng gà chọi gáy, mụ ngan cái cũng vừa kêu *kíu kíu*, vừa thò ra thụt vào cái cổ, dường như muốn hỏi các bạn cùng sân rằng: « Cái gì thế ? Cái gì thế ? Kíu kíu... »

Lại đến tình cảnh những nỡm chó con ra ăn vụng cơm của gà mới buồn cười. Nghe tiếng gà ồ-ồ gáy, chả biết là tiếng người ta chửi, người ta mắng hay là tiếng máy móc ghê gớm gì, các ranh cứ nháo mắt lên, đuôi cúp thụt xuống tận bụng, len-lét chuồn thẳng.

Cái tiếng gáy mới kinh-khủng chứ ! Ai mà chả phải sợ ông Từ-Hải.

Cồồồ... cồồ... có... có... ó... ó..



Có những buổi trưa.

Những buổi trưa mùa hè, nắng to. Ngoài vườn, cây cối rũ-rượi đứng chịu tội trong ánh nắng lửa. Những mảnh lá mướp to bản đều cụp uốn xuống, để lộ ra những cánh hoa màu vàng gắt. Có tiếng vỗ cánh sè-sè của vài con ong bò đen bóng, bay rập-rờn trong bụi cây chanh.

Nắng dữ quá. Gã Đực nắm đầu hiên, thò dài lưỡi ra thở hực-hực. Lũ ngan, lũ ngỗng thì rủ nhau chúi xuống bờ ao, bên những tàu lá khoai sơn hà xanh rời-rọi. Ở dưới găm cụm lá sồi, hai ba chị mái tơ thì nhau rũ đất, thỉnh thoảng lại rũ cánh phành-phạch.

Ấy vậy mà có hai người bạn tình kia quên cả nắng, quên cả trời đất nóng nực. Đó là hai trái tim yêu ; một anh gà chọi và một chị gà mái na dòng. Nếu mà đối gà chọi với chàng Từ-Hải thì phải kể chị ta vào cái độ cô Kiều gặp người anh hùng đó, sau mười lăm năm luân-lạc, trên vai nàng đã đeo nặng hơn ba mươi cái gánh xuân. Có cần phải biết tại làm sao chàng gà chọi dũng-mãnh ấy không yêu những chị mái tơ mơn-mỏn nằm bới đất ở dưới bụi sồi kia mà lại đi tán tỉnh mụ nái xề này ? Thưa rằng những cô ả đó vừa mới dậy thì, tính hay thẹn-thò như cây lá xấu hổ, vừa thấy thoáng anh chọi đồ-xộ, đã cung-cúc chạy cho chóng rồi. Những nữ gái ngây-thơ đó chỉ dành để phần cậu gà hóm-hỉnh đương choai thì hợp chuyện lắm.

Đảng này nàng là một ả Kiều già đã phong-trần khiếp lắm.

Ba bốn lần ra vào chốn lầu xanh. Bây giờ con người thuyền-quyên mới gặp được khách anh hùng đó.

Cho nên, trời nắng là thế mà thuyền-quyên cũng chịu khó đứng ở dưới gốc cây thầu-dầu tía, gần bờ ao. Nàng sù bộ lông vàng bần-thử, phờ-phạc, lốm-đốm trắng như một mớ rơm rửa bát. Vậy mà nàng cũng chớp chớp đôi mắt, rung-rung cái mào xám xịt, ngả về một bên má. Mái già mà còn làm đỏm, trông phiến mắt làm sao ! Không những chỉ thế, cô nàng lại còn hát nữa.

Nàng nghe cồ lên, nhìn sang phía gốc cam — chỗ có anh gà chọi đứng ; hơi hé hé đôi mắt, hơi thập-thò cái lưỡi và động-đậy đôi tai, chị cất một giọng oang-oác, rất bông rời trầm xuống dần dần ; « *kéécéc... kéécéc.... kééc... k...éc...k... é. é...é...c...* »

Ý như ta làm duyên mà đua tình cho nhau mấy câu Kiều lầy !

Cái tiếng *éc* cuối câu cứ kéo dài, vang động khắp vườn một cách bết sức lâm-li và nảo-nuột khiến cho anh gà chọi đứng bên kia dường như phải ngưng-ngần bồi-hồi mà ghéch một bên mắt lên nhìn lơ-lao. Và chàng vừa kêu *cộc cộc* vừa đi về phía cô ả.

Ấy thế là khách biên-đình sang chơi. Kiều-nhi bèn ra cái bộ làm gái, thấy tình-nhân thì không hát nữa. Muốn tỏ với nàng rằng ta đây cũng là tay thiệp đời, gà chọi xõa hai cánh, doang mấy móng chân để bới đất và cúi mỏ xuống, giả cách vừa mổ vừa kêu *cộc-cộc*, làm điệu gọi mái đến ăn chung. Rất tình-tử. Nhưng mà xác anh ta thì nặng, hai cái cẳng chân thì to lều-nghều, khi anh lấy cái dáng đẹp nhất, cái điệu chân dẻo nhất để bới, trông lại hóa ra ngây-ngô và ngượng-ngịu, đến hay.

Chị ả còn làm bộ mãi, không chịu đến. Để cho chàng hết rủ-rê, tán-tĩnh bằng điệu chân, điệu mỏ, lại xòe cánh ra đập phành phạch. Mà cô nàng cứ còn cao giá làm lơ và lại bắt đầu hát *kéc kéc* ầm ĩ.

Ôn-tồn, dịu ngọt mãi không được thì chọi ta tức lắm. Chàng ngẩng đầu lên.

Cái tính hung-hăng, nóng-nảy cố-hữu của chàng ở đâu lại kéo đến ầm-ầm. Chàng đỏ mặt tía-tai, lộc-ngọc chạy đến tận nơi. Chị ả cũng ù té chạy xuống phía bờ ao.

Nhưng này, ối ai ơi ! Chị ả nỡn nường đó chỉ giả cách khệnh-khạng một chút đấy thôi. Đến chỗ khuất bóng cây chanh, nàng đã nằm khụy hai chân xuống. Để đợi người yêu.

Sáng nào chị mái già ấy cũng nhảy ổ để đẻ. Mỗi lần đẻ xong, chị nhảy choàng từ trong ổ ra, đứng ở giữa sân mà *cục te cục tác* rồn-rã, điếc cả tai. Chừng như muốn khoe với làng xóm rằng mình vừa mới đẻ được một chiếc trứng, công-phu khó nhọc nhiều lắm đây.

Được có chín cái trứng, ả đã thôi và bắt đầu nằm ấp. ả ấp ham lắm. Suốt buổi. Quên cả ăn. Cứ nằm sù-sù cả ngày thâu đêm ở trong ổ. Ai động dậy gì ở đâu gần đấy là ả đã miệng thì kêu cục-cục, lòng cánh thì sù ra, chực những sự vừa chửi vừa đánh người ta.

ả nằm ấp vừa đúng cỡ hai mươi một ngày. Từ đầu tuần trăng lưỡi liềm cho tới những đêm trăng chỉ còn nhô lên lúc gà gáy sáng là tới thời kỳ những cái thai đã bắt đầu cựa-cậy và mổ vỏ ra để tìm ánh sáng.

Nửa tháng sau, xung quanh chuồng gà đã diu-dit những gà con. Bây giờ cái mảnh sân sau ấy vui lắm. Qua một ít bữa, chín con gà nhỏ vỡ lông, vỡ cánh, và dần dần ở người chúng nó, hiện ra những màu sắc của một bộ mã đứng-dẫn. Mỗi con một mã. Hoa mơ, Tía, Cuốc, Mấn trắng. Cũng

có những đứa đeo cái màu vàng bênh-bệch như mẹ. Đây là một đàn gà pha. Có những đứa tuy còn nhỏ, mà đã giống bố : cổ dài nghêu và cao lênh-kênh. Vài nhách thuộc dòng máu mẹ. Chân thấp lè-tè, đầu bé, và lông mọc kín chứ không trụi.

Có thêm những một đàn chín con gà nhỏ, sần và vờn bầy giờ trở nên một ấu-trĩ-viên. Cả ngày, rối lên những tiếng líp-nhíp, liú-nhiú. Gà con, chúng kêu luôn mồm. Nếu không *chép chép* to tướng thì *ít ít* be-bé trong cuống họng. Xô nhau chúng cũng kêu. Mồ hạt tằm chúng cũng kêu. Đến cả khi mẹ ngồi xuống, xòe cánh ra cho chúng rúc vào bụng, chui vào nách, nhẩy lên lưng, chúng cũng kêu í-ới.

Còn mẹ chúng nó ? Thật là một người đàn-bà giỏi-giang, đa tình thì nhất mực đa tình mà khi phải vướng vào cái bần-phận day-dỗ, nuôi nấng con trẻ, lại đáng nên một bậc mẹ hiền gương mẫu. Luôn luôn đi cạnh các con, mụ không rời chúng lấy nửa bước ngắn. Luôn luôn mụ cong chòm đuôi, sù vành lông cổ lên, làm điệu nghiêm khắc và ác nghiệt. Thật ra, với các con thì mụ rất ngọt-ngào. Bơi được một hạt giềnn nhỏ, mụ cũng gọi chúng đến, cho

chúng ăn. Vừa nhìn các con ăn, mẹ vừa *cúc cúc*, nói chuyện rất vui-vẻ. Nhưng bỗng một bà ngan đáng-trí — những con ngan rất hay đáng trí, lúc nào cũng bước đi thanh-thản, lơ-lơ-mơ — bà ngan đáng trí nào ngất-ngưỡng tới bên cạnh là mẹ gà nhảy lên như chơi-chơi, bao nhiêu lông dựng đứng ngay lên, miệng kêu oang oác, khoéc-khoéc, chân thì đạp, mỏ thì mổ, khiến cho mẹ kia mở mắt không kịp, chúi đầu xuống đưa vòng kiềng hai chân mà lạch-bạch chạy.

Mẹ mê-mải chăn nuôi con đến quên cả mình. Chẳng thể mà trong khi có trẻ, thân hình mẹ gầy xác, gầy xơ. Bây giờ thì không thể bảo mẹ là cô gái giang-hồ gần bạc tóc mà vẫn ưa điều lá gió cành chim được nữa. Phải gọi mẹ là một bà lý nhà quê, một bà lý chỉ biết có việc tảo-tần buôn bán để nuôi con cho đi thả chim thả diều và nuôi chồng một ngày hai bữa rượu. Những điều nguyệt nọ hoa kia, giờ tỉnh cảm, mẹ không có màng tới. Mà lại còn ghét là khác. Mỗi khi có cô mái tơ phơn-phở đi, mẹ cũng đuổi đuổi, mổ mổ, túi-bụi.

Còn anh gà chọi mã ô miễn tí ? Thôi

thôi thôi, nói làm chi đến cái thằng chồng lang-cha, cái con người bỏ đi ấy ! Hẳn còn biết gì đến con với cái ! Hẳn còn biết thế nào là gia-đình. Trong đầu hẳn xưa kia, chứa rất những tư-tưởng ngổ-nghịch, đâm nhau, đá nhau thì bây giờ chỉ đến những ý tình ma chuột. Hẳn còn biết gì ngoài cái việc lệch một bên mắt, đập phành-phạch vào đầu cánh mà đi ve gái. Ờ, nói rằng thừa sức khỏe mà đi ve gái, sao mà nó xấu xa thế nhỉ ?

Trong khi đó, mẹ gà mái mẹ hiền thực chỉ biết có đàn con.



Một ngày cuối tháng năm. Mấy hôm nắng dữ-dội như muốn hun-héo cả xóm làng. Đến hôm ấy, từ buổi sớm, nắng không loe lên như mọi khi. Trời vùn-vụt đầy mây trắng. Song không phải là cái thứ mây trắng đục, để báo hiệu cơn mưa. Mây này trắng tinh, chẳng biết ở đâu trôi lừ-lừ đến từng tầng lớn, ngồn-ngang cả một nền trời xanh ngắt — trời xanh lắm, ở mỗi khoảng không có mây. Mây đến, rồi mây đi, mây đến, mây lại đi, biến chuyển vùn-vụt. Ấy thế là gió nổi lên giạt-dẻo trong các lũy tre. Cái thứ

tiếng giạt-dào của lá tre run vào nhau, liên-miên, tưởng như tiếng heo may cuối thu, mà không bao giờ ngớt, gây nên bởi từng luồng gió rất dài, bay rập-rờn trên sóng lúa, từ ngoài đồng xa về. Người ta gọi gió ấy là gió giải đông — gió quạt mát cho những người cấy dưới ruộng.

Bữa đó, gà mái dẫn đàn con lách qua bờ tre, ra ngoài ruộng nhớn-nhờ chơi. Bởi vì không có nắng nên cả mẹ, cả con mãi đi bắt nhái, bắt châu-chấu, mãi tới xế chiều mới dò về. Về tới chuồng, trời sắp đổ một trận mưa rào. Mưa rào đến đêm thì tạnh. Nhưng còn sập-sùi mãi tới lúc sang canh mới rút hạt hần.

Sớm hôm sau, khi cửa chuồng đã mở, chỉ thấy chị gà mái mẹ dẫn có bốn con nhỏ lủi-thủi ra. Nhòm vào trong : năm chú gà con kia đã nằm mỗi chú một xó chết còng queo từ bao giờ. Va chỉ có từ sáng tới buổi trưa, cả bốn con gà còn lại này cũng mỗi con nằm chết rụi ở một góc vườn. Cái điều còm của chú nào cũng cứng ních lại. Thấy thế, thằng Lặc kêu ầm lên rằng :

— Biết ngay mà. Trái gió. Trái gió. Gà bên nhà bác xã Khóm cũng chết lẫn dúng ra thế đấy.

Xăm tối hôm ấy, ông ngoại tôi sai Lặc hun một đồng bồ kêp ở trước cửa buồng, chỗ thang gà vẫn leo lên leo xuống. Trong sự tĩnh mịch âm-thầm của một vườn sau, đám khói hoàng-hôn sức mùi bồ kêp thơm gây gây ấy, làm cho cái khu gà vịt ở có một không-khí ẩm-đạm y như một xóm đương nhuộm bệnh thời khí. Thế mà sáng hôm sau, cũng không ngăn nổi được ba chị gà mái đương xuân nằm chết chổng hai cẳng lên trời.

Thật là một sự đổi dời ghê gớm. Tai nạn chỉ bởi có một cuộc thay thời tiết xoàng. Mụ gà mái mẹ và anh gà gi sợ không dám ở chuồng nữa. Tối đến, chúng ngủ cao trên bụi tre. Còn ở lại nhà chỉ có lũ họ nhà ngan, lũ họ nhà vịt — cái tụi ngu dại lúc nào cũng đờ-đẫn mà rất khỏe — và anh gà chọi đứng ngang nhiên trên nóc chuồng. Dáng bản thấy cảnh vật phút chốc bỗng trở nên quạnh-hiu, anh cũng chán, không học mồm kêu *kộộc kộộc* nữa.



Chẳng những chỉ vắng.vẻ thế mà thôi !

Một sớm kia, con gà chọi không cất tiếng gáy. Hẳn đi có cái dáng lừ-ừ, đầu

rúc xuống, mà cổ thì hình như nặng-nặng. Hôm nay bác gà choi giở giò. Loài gà không bao giờ ốm bệnh gì cả, trừ bệnh giầy. Khi hần lủ-khủ là tất hần mắc cái bệnh ghê-gớm đó. Hần bị truyền nhiễm bởi bọn gà chết hôm qua, hôm kia. Chắc thế. Bởi hần khỏe cho nên hần không quy ngay. Song cũng khó lòng mà khỏi được. Nếu có sức khỏe, bệnh chỉ thêm kéo dài. Nhưng thế nào, một ngày rất gần đây, cũng sẽ được nằm mãi mãi để nhìn lên trời xanh.

Hần không ăn được gì nữa. Chỉ uống nước thôi. Mà uống nước luôn luôn, rất khỏe. Cái b'u điều cơm của hần rần lại. Cho đến chiều thì chắc nịch, sờ tay vào không thể bóp chuyển được. Đêm, hần không gáy. Chỉ nghe có tiếng hần *quéc quéc*, như có vương cái gì trong cuống họng. Cái tiếng quéc sắc gọn và lạnh, nghe ghê người.

Sang ngày thứ hai, mào, bắp chân và bụng gà trội đã xám lại. Gã bước đi ; cái cần cổ gục xuống, hai vai cánh so lên, khệnh-khạng, siêu vẹo như một lão kiết đã nghiện nặng mà lại còn thiếu cả sỏi hút. Đôi chân dững mãnh nọ như sắp không khiêng nổi cái mình to lớn nữa. Thảm hại

quá. Ôi ! con gà chọi, ôi ! con gà chọi anh hùng, con gà chọi anh hùng chỉ còn đứng mở thao-láo một mắt ra nhìn, mà ngẫm-nghĩ về cái chết của mình sắp đến. Không còn hục-hặc đập phành-phạch. Không còn gáy cồ... cồ, không còn kêu cồ... cồ gì cả.

Tới ngày thứ ba thì gã đành chẳng thể nào nhấc chân được nữa. Gã nằm gục một chỗ, chổng đuôi lên, đầu lả rụi xuống. Người gã tọp hằn lại. Tựa như một người vốn thân-thể rất to lớn mà lại bị bệnh lao phổi đã sang tới thời kỳ thứ ba, bây giờ chỉ còn làn da, ôm một vóc xương. Sang ngày ốm thứ tư thì gã gà chọi tắc thở.

Thằng Lặc được nhận cái việc xách một bên cẳng nó, mang ra ngoài đồng.

Hỡi ơi ! ông Từ-Hải về cái đất rồi
Ô hô hô !...



Cậu gà gi không dám bén mảng về đến sân nhà. Trông trước chẳng có ai, trông sau chẳng có ai, chỉ còn có một mình chị mái già, ra lại vào, ngần-ngơ.

MỤ NGAN

SỰ biến-động khủng-khiếp trong họ nhà gà không ảnh-hưởng gì đến các chú ngan, thím ngan cũng cùng ngụ một sân. ấy. Loài ngan rất khỏe mạnh, ít khi trở gờm mà bị trái gió.



Xóm gà vịt này có hai con ngan trắng lớn:

Độ nọ cũng còn có thêm một đàn ngan nhỏ nữa. Nhưng bây giờ đã tan-tác mất cả. Chẳng phải vì bệnh giầy, mà là vì nhiều sự không may khác. Đời sống của người ta lẫn dài vào thời gian, rộng lớn và cao-cả, triền-miên đi bao nhiêu năm, trong khối óc tí-hon của các loài vật. Với chúng — nhất là với những con vật luẩn-quẩn xung quanh người ta —, trái lại. Ở các ngày tháng vụn vặt, chỉ có những đau

thương nhỏ bé, có những chết chóc ít đáng để ý. Ấy là những cuộc sống tù-n-mùn, bèo-nhèo. Chúng chẳng làm hại gì ai, chẳng hít-hót mất của người ta ít khí trời, dù chúng cũng thở ra, thở vào cần-thận. Tựa như những con giun, cái kiến.

Đếm đàn ngan con ấy có được sáu cái đầu cả thấy. Sáu cái đầu xinh-xinh, sáu con mắt tròn xoe, đen láy và ngơ-ngác. Chúng luồn-quần, líp-nhíp xung quanh hai bàn chân tõe ngón rất thô kệch của bà mẹ. Ma tâm tính của mẹ chúng thì cũng "thô kệch", như hai bàn chân nó. Mụ dần-dộn đến phát ghét lên được. Thực là một thứ đàn-bà đồ tồi. Mặt mũi lúc nào cũng ngẩn-ngơ, lúc nào cũng lắc-lư như một bà nhiều ra chợ mà bị kẻ cắp xén mất túi. Mỗi khi cất bước, đôi chân khụng khiêng đi lối vòng kiềng lại đu-đưa bước tất cả mình. Nom đến chàm.

Cũng bởi cái tính ngu tối, chậm-chạp ấy mà vô tình, mụ đã giết một đứa con của mụ.

Một hôm, cu Lặc đem ngô ra sân cho ngan ăn. Mụ ngan xô đến. Đàn con cũng tấp tể chạy theo. Chúng len, đùn, tranh nhau trèo vào chậu ngô. Mẹ chúng đứng ngoài xốc cảnh-cạch từng hột nhỏ một

Nhung lũ trẻ leo vào đây chấu, khiến cho mỗ mụ bị vướng, không xoi được hột nào. Tức mình, mụ cũng thò một chân vào cái chấu sành. Rồi mụ bước nốt cả chân kia vào. Thành ra họ đứng phè-phè giữa chấu, cứ cúi xuống mà xốc, tranh ăn của cả các con. Một bàn chân mụ — cái bàn chân có ba ngón trước tõe ra, mạng liền với nhau — giẫm lên lưng một con nhỏ. Con ngan nhỏ kêu thảm-thiết. Nhưng mụ mẹ vẫn chưa biết, vẫn gí chặt chân lên lưng nó mà xốc ngó như thường. Đến khi mụ dịch chân đi để thò mỗ ăn chỗ khác thì con ngan khốn-nạn kia đã không thể đứng dậy được nữa. Nó gãy xương lưng.

Ăn no rồi, con mụ vỗ hai cánh dẫn năm trẻ xuống ao lội chơi. Mặc thấy một con bị trọng thương, cứ việc nằm rụi, kêu khắc-khoải. Mụ lơ tít. Đến chiều, con nhỏ ấy chết. Mụ làm như không biết rằng có một đứa con mình vừa mới chết. Và cố-nhiên là không phải lỗi ở mụ. Bởi vì mụ vẫn thò ra thụt vào cái cổ, vẫn lúc-lắc bộ đuôi. Những tiếng *kieu kieu* thốt ra, như vẫn biểu lộ một nỗi vui sướng vu-vơ và ngây-ngơ.

Thế là một con ngan nhỏ chết. Mười hôm sau, hai mống nữa cũng đi theo chúa

Dê-su.ma. Chúng bơi dưới ao, mò rúc đầu vào ven bờ. Hai con bị lươn rút vào tổ. Lũ trẻ con trong nhà đi tìm thì chỉ thấy hai cái đuôi chổng vọc lên. Cái đầu chúi vào lỗ, bị lươn cắn thủng một vết sâu hoắm.

Còn lại có ba nhách lơ-láo.

Lại một hôm nữa, mẹ dẫn ba trẻ ấy ra ngoài ruộng chơi. Mấy bữa đó đổi gió, nên nhiều điều hâu ở miền xa bay về. Chúng đang cánh ra liệng vòng tròn trên đồng lúa. Chúng lửng-lơ trong không, lẩn vào từng khoảng mây xanh. Những tiếng kêu diu-dít nổi lên như tiếng sáo đầu. Không phải là chúng cứ « xây giếng cho tròn » mãi ở trên trời cao thăm-thẳm ấy. Chúng liệng đi, liệng lại và thỉnh-thoảng sà xuống ở một chỗ rất quanh-quẽ, hoặc để tìm một cái ngòi nước nào mà tắm, hoặc để kiếm mồi. Hôm ấy, có một con điều hâu liệng vòng tròn rất cao. Bỗng nó nghiêng cánh, đâm bồ xuống. Nó vừa trông thấy mấy cái mồi. Đó là ba con ngan nhỏ, cùng với mẹ ra nhớn-nhờ ngoài đồng. Điều hâu sà xuống tận nơi, thò dài hai cái chân sắt, quắp lấy một con ngan rồi bay bằng lên, vụt đi. Nó tìm đến một nơi thanh vắng, thả ngan xuống, mổ cho chết rồi ăn thịt. Một

lát sau, có một gã - điều hầu nữa sà đến , cũng quắp một con ngan. Văng-vẳng tiếng ngan kêu thảm-thiết trên cao.

Mụ ngan mẹ cũng nghe được rõ-ràng những lời kêu cứu ấy. Bởi vì mụ có nghén cồ, có liếc mắt lên trời. Nhưng rồi mụ lại cúi xuống mổ cồ và lúc-lắc cái đuôi của mụ. Còn có mỗi một con ngan nhỏ khiếp sợ, chúi vào bụng mẹ. Song mẹ nó cũng vô tâm, không để ý chi. Thế là con ngan nhỏ bị điều hầu bắt ăn thịt. Phải tay một mụ gà thì không bao giờ mụ chịu im như vậy. Sống chết mụ cũng xù lông ra, nhảy lên đánh nhau ngay với quân thù. Đẳng này, có thể như không bao giờ mụ ngan nghĩ đến cái điều phiền nhiễu đó. Mụ đứng-đỉnh dẫn một con lông-thống về, mổ và mất thần-nhiên như lúc đi ra.

Cả đàn sáu con ngan, chỉ còn vền-vện có một. Cái sân gà vịt vừa bị một trận chết giây kinh-khủng, bây giờ lại càng vắng-vẻ thêm. Các cổng chuồng bỏ trống, không cài then. Những lối bùn đã mọc rêu xanh. Chẳng có mấy vết chân ba ngón qua lại.

Tối đến, hai vợ chồng nhà ngan ngủ dưới gậm cùồng gà. Con ngan nhỏ nằm bên cạnh, mổ rúc xuống cấn. Bao giờ

chúng cũng ngủ đấy. Cái giống ngan luộm-thuộm yên trí rằng ngủ ở đấy đã là sang lắm.

Một đêm kia, có một con rắn mai gầm từ dưới bờ ao bò lên. Thân nó trường bằng một cái đòn gánh và vằn những khúc vàng, khúc đen. Bởi vậy, rắn ấy còn có tên là *rắn cạp nong cạp nia*. Nó luôn men bờ ao, đánh hơi thấy mùi tanh ở chuồng gà thì bò vào. Và nó bắt gặp ba con ngan liền dươn bạnh cồ ra, phun phè-phè. Hai con ngan lớn lật-đật chạy. Bởi rắn ấy là ông Ba Mươi, đối với các loài vật trong nhà. Nhưng cũng chẳng biết có phải vì thế mà hai anh ngan chạy ! Chú ngan nhỏ chậm chân, bị rắn tiêm nọc độc vào lưng. Tội nghiệp, chú nằm quay lơ, giãy giụa một lát thì chết. Con rắn ghé-gớm lừ đừ lườn đi mất.

Sáng hôm sau, Lặc thấy xác con ngan nằm chết rũ. Nhìn một vệt dài lằn nhằn trong rãnh bùn ướt từ dưới ao lên trên gậm chuồng thì Lặc biết ngay là con ngan kia bị rắn phun chết. Nó chạy vào nhà, hô-hoán ầm lên. Lũ trẻ thập-thò ra xem, níu nhau, rón-rén bước từng bước một, như sợ con rắn nguy-hiêm hãy còn luồn quần áo quanh ở đấy.

Lặc xách cẳng con ngan lên. Nó ngẫm-nghĩa và nói :

— Hoài của. Thế *lày* mà rắn cần chết. Thịt ăn dương mềm *nằm*. Chốc *lữa* tôi vào xin ông, mang về...

— Ăn ?

— Chứ *ny* gì ! Hôm *lọ*, con gà chọi tôi cũng mang về ăn đấy. Chỉ phải bỏ có cái điều đựng cơm thôi. Ngon đáo-dễ. Tội gì, thịt ăn chẳng có, *nại* có thịt vứt đi.

— Nhưng đẳng này rắn phun, độc lắm.

— Độc xộc vào mồm. Tôi khiếp sợ.

Lũ trẻ xanh mắt lại. Chúng chắc rằng ăn thịt ngan rắn cần, thế nào Lặc với vợ Lặc cũng chết ngay đuôi ra. Lặc mạng con ngan về.

Nhưng sáng hôm sau, Lặc vẫn đến như thường. Mặt mũi vẫn hồng-hào và bụng vẫn to. Cả bọn trẻ xúm lại.

— Ăn hết thịt ngan chưa ?

— Máy con *lữa* cũng hết bay.

— Thế thực anh không sợ nọc rắn độc hử ?

Lặc nói nhỏ, ra lối bí-mật.

— Sợ quái gì. *Núc nọc* gà thì bỏ một cái đinh *lăm* phân vào *lời*. Sắt kỵ nhau với *lọc* rắn. Thế *nà* *lọc* rắn tan ra *lước*

hết. Chỉ phải bỏ đi có *lược* suýt, còn thì nhắm được tuốt !

Lũ trẻ ngần-ngơ nhìn nhau. Ra lối phục cái mẹo ấy là đúng.



Con ngan nhỏ cuối cùng chết đi, hết dấu vết của đàn ngan. Không ai nhớ nữa, cả mẹ và cả đến cha chúng. Tàn mùa hè thì hoa soan rụng.

Hai vợ chồng nhà ngan lại đi với nhau. Chồng mẹ là một chàng ngan bạch. Thăng cha to gấp đôi vợ. Loài này, bao giờ được cũng lớn hơn mái. Toàn thân trắng muốt. Nhưng ở cuối mỏ, xù lên những mụn đỏ. Nếu nó in-ít, ta có thể tưởng đấy là trứng cá của loài ngan, nhưng đây nó dầy bì-bì, đỏ tía như màu hoa mào gà và ngay ở trên trán, mụn đỏ cũng mọc cao lên như một cái nấm. Những cái mụn đỏ ấy làm xấu dáng của ngan, dù là một con ngan trắng muốt. Vì còn có những thứ ngan khác, hoặc đen biếc, hoặc trắng đốm đen, bần như những người đàn-bà đi chợ mùa lạnh mà mặc váy rách và chàm vá đụp.

Nhưng vẫn chỉ vì tính nết của ngan làm cho người ta ít ưa chúng.

Chàng ngan kia bướng-bỉnh lạ. Nếu bị người đuổi, chàng chỉ đảo từng bước thùng-thỉnh. Và lại còn thò cổ lại « bỏi han » người ta. Nếu chỉ bị đuổi xoàng, chàng còn mồi lại người ta là đẳng khác nữa. Chàng không nhát như mấy anh vịt, lúc nào cũng chỉ đứng ngẩn tò-te ra nghe ngóng đề rình chạy. Song chắc là vốn được bẩm sinh ra thế, chứ thực ngan ta chẳng có tâm-tính chi. Đã một lần, có một đứa trẻ ngắt hai chiếc lá khoai san hà. Nó vạt hai con ngan xuống và lấy lá khoai chùm kín cả đôi bên mắt chúng. Đôi ngan bừng mắt ra, thấy màu xanh xanh của lá phủ trên mặt thì quên hết cả trước sau. Chúng cho ngay rằng chúng đang được nằm lơ-mơ ở trong bụi cỏ. Bụi cỏ non xanh và mát. Thế là chúng cứ nằm chổng chân lên, im lặng không nhúc-nhích, cho mãi tới lúc hai chiếc lá khô cong, hé nhìn lên thấy trời, chúng mới lóp-ngóp bò dậy. Lại thùng-thỉnh bước một, gieo những bước nặng lạch-bạch xuống nền sán.

Một hôm, chàng ngan lừ-dừ ra đầu ngõ. Hắn đi ngơ-ngác, lơ-phờ, lắc-lư cái người, lắc-lư hai chân, mà lắc lư cả đến cái đuôi ngắn cùn. Bất đồ hắn gặp một đứa trẻ độ

ba bốn tuổi, chập-chững đi vào trong ngõ. Ngõ hẹp và sâu, có những cây soan cao, thân mốc trắng, cành nặng trĩu những chùm quả chín khô, vàng thẫm. Thằng bé cũng trông thấy con ngan. Nó cúi trần, cúi truông nhưng nó không sợ ngan chút nào. Nó thò tay ra vớ lấy đầu con vật. Chàng ngan cũng chẳng sợ gì thằng bé. Chàng liền rúc một mỏ vào rốn nó. Thấy buồn-buồn, nó lấy tay gạt đi. Chàng ngan lại rúc nữa. Lần này chàng rúc xuống phía dưới. Đùng. Thế là chàng cứ bập-bập hai mỏ, vừa lòi vừa nhảy thằng bé.

Thằng bé giãy-giụa, gào « mẹ ơi ! mẹ ơi ! » ầm lên. Mọi người chạy ra thì nó đã cố dứt được cái mỏ ngan tai quái ra rồi. Chẳng có ai ngờ là gã ngan dờ-dẫn nọ lại vừa đánh nhau với thằng bé. Bởi thằng bé chưa biết nói sõi. Nó chỉ khóc khỏe. Mà gã ngan thì vẫn đứng cạnh đấy, thò dài cổ ra « hỏi han » mọi người, với một điệu rất ngẩn-ngơ. Người ta tưởng có một ổ kiến lửa chi đó ở quanh đấy.



Đằng sau nhà, có một vườn cải. Đây là một khoảng đất tận góc vườn đằng kia,

giáp bờ ao, vun xới bón tưới do công-trình của Lặc. Cùng là ở trong vườn, nhưng Lặc rào kín bốn phía. Đề đề-phòng sự tàn-phá của bọn gà vịt nghịch-ngợm. Chỉ hở mỗi một cái cửa nhỏ. Mỗi ngày hai buổi, Lặc xách vò nước vào tưới.

Bốn luống cải chạy đều một hàng. Màu xanh tươi tắn giải lên trên màu đất vàng xẫm. Có luống vừa bén chân, mới trổ được đôi ba tờ lá bé. Những mảnh lá xanh ròn, có khía răng cưa chu vi, khum xuống sát đất. Cải này trồng để ăn vào tết Nguyên-Đán. Cũng có luống những tàu lá cải đã vồng cao. Khía lá rách mạnh vào chiều sâu. Ở giữa chòm lá lờ-sờ, vươn lên một cái thân dài mụ-mẫm và phấn trắng. Đầu thân, lơ-thơ có những chùm hoa nhỏ, những chùm hoa của những đóa hoa nhỏ xiu ấy, nở ra những cánh vàng li-ti. Đó là những luống cải để làm dưa. Chúng đã già rồi. Nhưng vườn chỉ đẹp, khi những cây cải già nở hoa vàng. Có không biết bao nhiêu là bướm trắng từ xứ mô tê nào rủ nhau đến chơi ở vườn cải. Chúng họp thành đàn, bay rập-rờn trên từng cánh lá. Chỉ bay thôi, mà không đậu. Những cánh trắng-trắng phấp-phới trên nền cải xanh

lốm-đốm điểm hoa vàng. Lại thêm có mưa xuân về sớm. Mưa không ra mưa, mà là trời đổ bụi mưa xuống. Trước gió hiu-hiu, những bụi trắng bay loăng-quăng, vẩn-vơ.

Căn vườn đẹp, xinh là thế, mà một bữa kia, có những kẻ rất phàm-phu vào bới tung cả lên. Hôm ấy, Lặc tưới vườn nhưng lúc ra quên cài then cửa. Một lúc sau, nghe có tiếng *khịt-khịt* thở mũi. Rồi lại có tiếng chân *đạch-đạch*. Rồi thì một cái mỏ vàng to bè-bè, hai con mắt lơ-láo, và cả cái đầu đỏ khé, thò vào trong phen. Thấy phen ngổ rộng, hai cái chân thấp lùn chũn cũng rún lên nữa : à, chàng ngan được đương ý-ạch leo vào vườn. Chàng vừa leo vào xong, còn đứng ngần-ngơ nhìn khu vườn man-mác một màu xanh yếu mẩn, thì ở ngoài lại có tiếng thở, lại có tiếng chân đi, lại một cái đầu đỏ nữa thò vào phen. Con mụ ! Con mụ ngan cũng nhảy vào vườn nốt.

Ôi chao ! thực là sung-sướng, thực là phê-pha. Máy khi có được những lá xanh, non và mềm thế kia để ăn cho mát ruột. Vợ chồng nhà ngan liền cầm-cúi mò lá cải. Chúng tỉa từng lá, xốc ngoem-ngoém. Chúng ăn những cây lá cải già và chúng

ăn những cây lá cải non.. Chúng nằm xếp cả xuống giữa luống mà xốc xoàn-xoạt. Vừa ăn, vừa giày vò, vừa ngoe-nguậy hai cái đuôi lý thú. Chẳng bao lâu, quang đãng hết một góc hai luống cải. Còn trơ lại ở mặt đất những cái gốc trụi. Ăn một ư ? Chàng chỉ vỗ cánh đành-đạch, đứng nghỉ ngơi một lát rồi lại bắt đầu cuộc ăn nữa. Chúng ăn vô hồi kỳ trận. Vườn cải nát hết. Đàn bướm trắng lờn-vờn trong bụi mưa. Bụi mưa vẫn phời-phời xuống. Hai cái mỏ, hai cái chân, giẫm và nuốt tan hoang cả.

Cuộc tàn-phá đương dữ dội thì có một đứa trẻ đi ra vườn, ghé qua khe nửa, trông thấy. Nó hốt-hoảng chạy vào trong nhà.

Cu Lặc hốt-hơ hốt hải chạy ra. Mối nó mằm lại. Những bước chân giện dữ vang thình-thịch, giá giẫm trúng thì chết cả chó. Có đứa cướp vườn cải ! Có đứa cướp vườn cải ! Làng nước ơi, hại Cu Lặc chưa !

Lặc giương to đôi mắt mà nhìn vào vườn : hai con ngan mái ăn, không biết. Đến lúc Lặc bước vào thì chúng cũng biết, cũng có ghéch mắt lên nhìn, nhưng lại cúi xuống ngay và lại xốc lá cải liền liền.

Lặc thì Lặc, chúng ít cần. Mà nói rằng chúng chẳng có cần mới đúng. Cửa ngõ thì những con vật đi vào. Có lá non đây, những con vật tha hồ xơi tự-nhiên. Giản-dị lắm. Nhưng người ta lại không nghĩ giản-dị như vậy.

Lặc co căng đá phốc cho anh ngan đực một đá. Thẳng nồm bắn bổng lên, chúi rấp vào khe giậu. Con mụ cũng được ăn một đá tương-tự. Chúng lóp-ngóp bò dậy, và dương như trong lúc sáng-sốt, chúng không hiểu thế nào ra thế nào cả. Chúng cùng vươn cái cổ dài, chĩa là-là xuống, trợn mắt lên, đồng-thanh cất tiếng kêu *klu klu*. Cái gì thế? Cái gì thế hử?

Lặc đá liền liền. Lũ trẻ reo lên à à. Mỗi lần bị ngã mà lóp-ngóp bò dậy, hai bác ngan lại càng vươn thuôn cổ ra, đôi mỏ đánh vào nhau cặp cặp. Như cố ý kháng chiến. Chúng quay cổ lại nghênh địch, mà không chịu chạy. Lặc đá tới tấp. Loài ngan khỏe thực. Đá lắm chỉ nghe tiếng bồm-bộp. Sau, Lặc xách cổ cả đôi ngan ra, đem nhốt vào chuồng gà. Nó cài kỹ-lưỡng cả hai cái chốt lại.

Vợ chồng nhà nó bị bỏ tù. Cho đến lúc ấy, hình như chúng vẫn không hiểu chi,

cứ vung cổ ra mà kêu rối-rít, rất buồn.

Ba hôm sau, đôi ngan được thả ra. Chúng vỗ cánh, dướn chân, bay vè-vè trong sân. Nhưng bỗng nhiên, chàng ngan được vù lên cao. Chị vợ cũng nổi cáu. Hai con ngan trắng phau-phau bay bổng trên không trung, thấp-thoảng trong nền mây trắng. Chúng bay cả ra cánh đồng. Thực là một sự bất-ngờ kỳ khôi. Loài ngan có bay biếc trên trời bao giờ đâu. Kỳ tình chúng cũng biết và có thể bay cao lắm. Nhưng ít khi chúng trở tài cho thiên-hạ rõ. Chắc là mấy bữa nay cậu mợ quần chân lắm, bây giờ đã được tự-do thì xê-dịch đi một tý cho sướng cái thân.

Lặc co cẳng chạy đuổi theo. Hai con ngan hạ cánh xuống giữa cánh đồng. Nó tóm được và lại xách cổ cả hai, bồng-bènh lôi chúng về nhà.



Chàng ngan được chết ngay ngày hôm ấy.

Người ta bày ra sân một cái bát chiết-yêu. Một đĩa trẽ được tóm hai cánh ngan, giơ cao lên. Một đĩa khác cầm hai chân. Lặc tóm cổ ngan, vặt nhẵn một tùm lông ở phía mỏ dưới. Nó kê lưỡi dao vào đấy và

khía mạnh một cái. Máu đỏ tươi rùng rùng chảy xuống bát. Con ngan giương mắt ra thở khò-khè. Nhưng cái màng trắng ở một bên mí kéo lên, khép kín đôi mắt ấy lại. Nó giẫy mấy cái mạnh, rồi nhuôi ra. Một vật sống từ cội trần....

Mụ ngan đứng cạnh, nhìn vớ-vẩn. Mụ nghĩ-ngợi chi ? Vẫn thò ra thụt vào cái cổ, thản-nhiên. Thực mụ chẳng biết người ta đương xúm lại để làm gì chồng mụ đấy. Giống này không nhớ chi bao giờ. Một việc qua rồi, được coi tựa như việc chưa có lần nào đã tới. Mụ chỉ nhớ rõ rằng khi có hạt ngô đo-đỏ, hạt thóc vàng vàng, tàu lá xanh thì xô đến mà khởi sự ăn.

Mụ chưa bị chết. Mụ chỉ phải xén cụt hai đầu cánh, để từ giờ cụt hững bay. Nhưng án của mụ cũng đã được tuyên. Ông ngoại tôi nói rằng :

— Còn con ngan này thì đến hăm ba, cho nó về châu ông Công.

ĐỢC

CÓ một hôm nó trốn đâu từ lúc đương bữa cơm chiều. Cả nhà đi tìm quanh quần khắp xóm mà cũng chẳng thấy. Không thường con quái lại chạy tít ra tận ngoài cánh đồng !

Nó tinh quá. Mới giờ có cái xích ống ra rung rung mà nó đã chạy phát nhạc lên. Có gì đâu ! Người ta chỉ muốn làm cái việc trường cứu cho nó thôi.

Nó là chó. Nhưng ở nhà gọi tên là Đợc. Trước kia, hồi nó còn nhỏ, thầy tôi đặt tên là con Bô-Tô. Phải cái trí nhớ của cậu kém quá, chỉ có việc nghe gọi « Bô-Tô, Bô-Tô » mà cứ quên khuấy, đang chạy cũng nhãng cả quay cổ lại. Nếu lại hò cái tiếng thông thường : *cún cún ều cún ều* thế thì nó sẽ ve-vẫy cái đuôi, sù lại ngay

đấy, song nghe thế mới tục-tĩu làm sao ! Có khi chỉ phải tặc-tặc cái đầu lưỡi, nullo một bãi nước bọt là chó ta cũng mon-men đến.

Nên cả nhà tôi gọi nó là Đực. Nghe tiếng gọi « đực đực » cũng gần giống tiếng tặc-tặc cái lưỡi. Thế là dung-hòa cả đôi cách. Có đâu vài ba bận nó đã quen được tên.

Mẹ nó quê ở gần bên kia sông — chẳng ai có thể biết được bố nó là dòng-dõi nơi đâu. Cái loài chó má vô luân làm gì có sự giao kèo vợ chồng ! Một lần ông ngoại tôi sang Phú-Gia chơi với cụ Nhiều Vàng. Nhân nhà có một chị chó cái giống tốt để được một đàn năm con, cụ Nhiều bèn biểu ông tôi hai con lớn nhất : một đực, một cái. Ông cụ bỏ đôi chó bụ-bẫm, mỗi chú vào trong một cái rọ tre. Bữa ấy, tôi chọc hai đầu gậy vào cặp rọ mà quấy thung-thắng đôi chó về bên nhà. Đi đường, chúng kêu nhăng-nhặng như kiểu chúng chửi bởi tôi.

Về bên nhà tôi, hai con chó chỉ biết có một việc húc đầu ăn no kénb, đi lục-lặc cái bụng phềnh chặc nịch, trữu cả sống lưng xuống, và đùa giỡn nhau suốt cả ngày.

Chúng chóng n'ớn quá. Nhất là con Đực ; ăn xong, nó lại lê cái mõm ướt-át đi tìm chỗ phóng uế. U tôi lấy một mầu rơm đo vào đuôi nó rồi quăng lên nóc nhà. Để làm phép cho cu cậu không có tính ề rầy.

Chó nhỏ vui chơi chẳng khác gì trẻ nhỏ. Hốc đấy, nồ đấy, lại cũng ngủ ngay đấy. Con Đực thật hết một đũa trẻ bưng-bình và anh hùng rơm. Nó hay bắt nạt con chó em. Nó vật cồ con kia ra, cắn một miếng chơi vào bụng rồi chuồn mất, để cho con bé cứ nằm chổng bốn vó lên mà kêu ăng ăng. Nó lại cọt với cái chồi dựng ở đầu hè. Nó lấy chân khều-khều, làm n'ư cái chồi là một bạn tri-kỷ của nó. Nó nhá chồi và nhá quai guốc của trẻ con bỏ quên ở ngoài sân, nghe cồn-cột. Chán, nó lại chạy ra đằng sân sau dọa dẫm lũ gà và ngỗng làm cho bác gà trống vừa phải nhảy hậu, vừa nhớn-nhác kêu quéc-quéc rộn-rã. Ông ngỗng thì gan hơn. Ông thò vươn cái cổ, nói khàn-khàn trong cuống họng. Ông xử cặp mỏ dài và rắn, bổ đập một chùy vào sọ con chó như một người mẹ độc ác lấy tay cốc xuống đỉnh đầu đứa bé. Con chó nhãi nhép vừa chạy vừa la om-sòm.

Hễ có một khách lạ vào nhà, cả hai con chó cùng xõ ra sủa ồm-ồm. Nhưng người ta đi liền lên thì chúng lại lùi sâu vào. Sau hết, cả hai nỡm cùng lần vào gậm phần để giữ thể thủ với nhau và cắn hóng ra.

Thường giữa ban ngày chúng cũng ngủ lẫn-lóc. Chúng gối vào nhau mà say giấc. Con thì nằm úp mõm, duỗi thẳng bốn chân. Con thì nằm khoanh người lại, đầu vắt xuống đuôi. Nhiều khi chúng mê hoảng, đang nằm cũng nghiêng răng kêu ư-ừ. Cũng có những bận chúng đái dầm nữa. Đương ngồi bình yên — dánh hấn chợt mơ-màng tưởng mình đứng tận ngoài đầu vườn — chúng đái tè-tè ra ướt dầm thành một vũng nước. Thực là những đứa trẻ năm mớ, những đứa trẻ con khoai củ ở nhà quê.

Nhưng chúng càng lớn lại càng nằm xa nhau ; cho đến khi thật đứng đắn thì không còn ai thấy lần nào chúng nằm ngủ vắt lên nhau mà ngáy nữa.

Trong vòng mấy tháng trời — từ độ ngoài tết mừng mười cho đến cận tháng ba — đôi nhách chó tí-tẹo đã trở nên hai con chó trẻ tuổi. Chúng vỡ da, vỡ thịt đề nhón. Cái giọng cắn the-thé đã đổi sang giọng trầm-trầm, nhát một. Cũng ở cái thời

mười sáu, mười tám ta bắt đầu lang mặt và võ tiếng nói ồ-ồ.

Bộ lông của hai anh em nó rất giống màu nhau. Đó là cái màu vàng lợt-lợt, không ra xẫm hẳn mà cũng không hẳn trắng bạch. Chân cao. Đuôi chổng lên lên trời. Khi bước đi, nó nghiêng ngả như cái cán cờ. Các người sành chó bảo giống này là giống chó thường, chẳng dữ mà cũng chẳng hiền. Cái thứ chó vừa tầm người, không cao, không to mà ở hầu khắp các vùng nhà quê người ta vẫn nuôi. Chả hiếm nên không quý. Chúng dốt bắt chuột, nhưng cũng hiểu việc đánh hơi và cách hít. Một con mũi hung-hung đỏ và một con mũi xám ngắt.



Những sớm tinh sương, anh Đực hay ra ngóng ở ngoài cổng tán. Đã biết cái khoe chơi của một gã trai tơ rồi đấy. Cậu đứng đợi người yêu.

Ở đâu, ở loài nào, khi cuộc đời đương độ, người ta cũng thở hít thấy rất những không-khí ái-tình. Cái hương-vị mơ-hồ và bàng-khuâng ấy đã làm cho con Đực đang trẻ con láu-táu bỗng trở nên người lớn

đứng-dẫn và có lễ độ. Dáng đi của nó ra điệu gọn dẻo, từ-tốn, khoan-thai. Và nó ít đùa nhả nữa.

Đôi mắt ốc nhồi của nó linh-hoạt như có dầu trơn trong cặp con ngươi màu nâu dùng-đục. Chẳng biết bộ mắt ấy có phải là lẳng không, thế mà vô lũng các chị em lẳng giềng cảm Đực ra phết.

Con Đực yếu hăng lắm. Nó có hàng tá nhân-tình. Bởi nó bảnh-bao, phì nộn và cũng bởi nó tài năng, khỏe mạnh. Nó là một ông tướng, một ông đại tướng. Nó phải hành động rất lắm việc.

Nó đi chim các chổ nhà người ta. Nó vơ-vét mọi nơi. Nhưng nó vẫn không khỏi không có cái tính ích-kỷ nhỏ-nhen. Con em Cái nó cũng đương tuần cập-kê. Nó lại kiêm cả việc ở nhà để trông coi riết. Nó không muốn em nó hư-hỏng vì sự đua-đả bạn bè. Còn không bao giờ nó nghĩ đến sự hư-hỏng của mình và không bao giờ nó để ý đến sự nó đã làm hư-hỏng vô khối kẻ khác. Con bé cứ thập-thò ra ngõ chực đi rong là nó lại cản cho một chặp. Va bẽ cậu nẻo có lượn-lờ, lẳng-vẳng qua cửa, nó cũng nhảy ra đánh luôn.

Lúc nào nó cũng lo nghĩ bộn-rộn. Đi ve

vẫn các chỗ lại còn rào giậu ở nhà. Bao nhiêu công việc ! Phải biết rằng khi trẻ tuổi nó chẳng chịu làm ăn chi cả, chỉ có nghĩ đến sự ái-tình. Mà thực cũng buồn, nếu những con chó trẻ trung không có những chuyện ma chuột ấy thì tuổi thanh niên của nó còn biết dùng làm chi nữa !

Cho nên nó chiến đấu một cách mạnh mẽ. Sau những trận chơi bời dữ dội, nó mệt nhọc về nằm ở cổng ngõ. Nhưng dù nằm nghỉ đấy, thoáng có bóng một chị cái nào lớn-vỡn, nó lại ve-vầy đuôi, thè cái lưỡi dài và đỏ, chạy theo. Chỉ một ít lâu, người nó tọp hẳn lại. Thân thể nó dài thượt và nghèo-ngao. Cái bộ mã vàng lợt có chỗ mất cả một mảng lông, để lộ làn da xam-xám.

Một buổi kia, cả nhà đã cơm nước xong, đến bữa cho chó. Thắng cu Lặc lấy bát chắt nước vo gạo, đổ đầy cơm vào lon rồi gọi ồn lên mà cũng chẳng thấy bóng con nào về ăn. Đi tìm : cậu Đực, trong bụi tre sau vườn. Còn cô Cái cũng mãi dú-đờn bên gốc cây rơm.

Thắng Lặc vác cái gậy to thô-lổ ra phết cho cậu Đực của nhà những roi đòn kịch liệt. Thế là tan. Còn cái đôi có con Cái,

biết đấy, nhưng Lặc không «khủng bố» tôi, Lặc nghĩ : « Cho nó đi lấy giống. » Hừm ! Thằng Lặc đã ác độc quá lắm. Cái phương pháp nó đem khu trị giống chó quả là không cân và ức-hiếp ; trái hẳn với sự xét nhận loài người, nó dung túng cho phái khuyến yếu mà đi trừng trị bọn đàn ông. Chẳng ai người ta thừa cơm mà nuôi một con chó điểm-dàng. Ông ngoại tôi bảo rằng :

— Con Đực tốt nết lắm. Tao muốn đẻ nuôi nó. Nhưng phải cũi nó lại, không được cho nó đi lang như thể mà nó rạc đi.

Con Đực bị nhốt cũi. Nhưng làm sao đòi được tính nết nó ! Chẳng nhẽ nhốt được mãi. Mà cứ thả ra là lập tức nó chạy biến. Và bị kìm hãm như thế, mỗi lần sỗ lông nó lại la cà hơn bao giờ hết.

Thấy vậy, ông cụ bèn bảo thằng Lặc :

— May sửa sẵn lấy cái xích ống. Tao phải thiến nó mới được. Đến tuổi rồi. Chưa kịp thiến, cứ nhông-nhông lên thôi.

Lặc đem dao ra vườn chặt một đốt tre. Nó đánh chòng-lọng một đoạn thừng dây rồi xâu vào cái đốt tre ấy. Con chó sống đi từ hôm qua. Lặc rình. Nó ở một rặng

cây ô-rô. Lặc giả cách đi lừ-ừ tới, giấu cái xích ống đằng sau lưng. Thấy người nhà, Đực ve-vầy đuôi, cúi mồm xuống. Nhưng chừng như nó đoán hẳn nó có tội gì. Nếu không ai bỗng dừng lại đi đến gần nó làm chi ? Quả thế, kia-kìa cái đầu gậy thò-lò ở sau lưng thẳng người. Tới gần, Lặc giơ cái xích ống lên. Thế là Đực xoắn chân ra chạy thẳng. Bữa cơm chiều cũng không dám tưởng đến về ăn.

Người ta định bắt thiến con chó. Thiến nó thì còn gì là đời thanh xuân của nó ? Nhưng bản tâm người ta chỉ định cái việc lâu dài, cái việc trường cửu cho nó. Bởi có thiến thì con chó mới bó buộc phải sống lâu năm được. Ở đời, người ta chỉ chuộng cái giống khỏe-khoắn thôi chứ.



Đã muốn thì rồi cũng được vậy. Một buổi, thẳng Lặc lừa bắt nôi con Đực. Tay nó vẫn lăm-lăm cái xích ống. Đực hoảng-hốt.

Nhanh như cắt, Lặc quàng vội chiếc vòng thừng vào đầu Đực rồi đẩy cái ống tre xuống cho rút lại. Nó kéo con chó đi. Kéo một lại được cả hai ! Con chó rít lên và

kêu gâu-gâu ồm tỏi .. Thằng cha vô lương tâm, thấy thế, lại cười ằng-ặc.

Nó bị nhét đầu vào găm cái bậc cửa dưới nhà ngang. Lặc lấy chiếc ghế nhỏ chặn lên cổ con chó và giữ chặt lấy. Ông tôi kéo dài hai căng sau, lật ngửa tênh-hênh bụng nó lên. Con chó cố cự nhưng không quay được một mảy, cố kêu nhưng chỉ ầm-ừ ở trong họng. Ông cụ cầm sẵn con dao nhỏ, xẻ rất nhanh.... Lặc nhét vài bột muối và quét một ít dầu ta vào chỗ vết cắt ấy. Thế đề cho đến lúc se máu, vết thương không bị cứng dẫu và đóng vảy được ngay. Máu tuôn đỏ lôm. Đực kêu thất-thanh. Ôi chao ! buốt biết mấy !

Cái công việc đó ông tôi làm nhanh lắm. Dễ chừng chỉ một vài giây đồng hồ đã xong hẳn và buông được con chó ra. Thật là một hành-động chóng vánh, chỉ trong có một ly đã biến đổi cả một đời.

Con chó được buông lỏng, hống lên, húc hặc chạy đi. Nó đến nằm rấp ở một xó bụi ô-rô mà rên hừ-hừ. Chẳng biết nó tiếc xuân, tiếc đời hay là tại đau quá ? Bữa ấy cậu cả bỏ cơm.

Nhưng da dễ loài chó rất chóng liền vết. Nên được độ một phiên chợ nó khỏi hẳn và đã đi lại dẻo-dẻo.

Có lẽ bởi thế, con Đực mới ngiĩ ưc trong lòng. Mấy hôm Đực buồn thiu, buồn thiu, đi lừ-khừ, quên cả ăn cả uống. Chắc hẳn cu cậu ứa nước mắt ra mà sầu cái sự đời éo-le.

Cái xó vườn cỏ dại đằng sau nhà không còn oanh yến dập-dìu như xưa nữa.

Có một hôm, Lặc đang đứng cầm cái sào nửa dài để dồn vịt vào chuồng. Con đực đi qua đó, trông thấy thẳng cha đã hại mất nửa đời mình, liền chồm lên, cắn một miếng vào bắp chân dưới Lặc. Thằng Lặc bị miếng đòn thù bất ngờ, không kịp kêu, vội vàng lấy sào đập con chó. Vết cắn ấy sâu lắm, in rõ hẳn hai cái răng nanh dài ngoắc, ấn lõm vào trong thịt. Máu tuôn ra đầm-đìa.

Lặc lấy mỗi thuốc lão và cạo một ít rêu cau rịt ngay lại-cho cầm máu rồi vác gậy đi tìm con chó hỗn láo. Ai cũng biết mà đoán ngay rằng con chó tinh ma ấy trả thù kẻ đã thiến nó. Nhưng cũng biết trông mặt mà rửa hờn nên nó chỉ dám dả có thằng Lặc.

Lặc lùng được con chó. Lặc xịch cần-thận lại rồi đánh Đực một trận như tử. Những cái đầu gậy to bằng đầu cái chày đâm riềng nện vun-vút xuống lưng, xuống sườn, xuống mông, xuống đầu chàng Đực. Kêu chán rồi chàng chỉ đánh năm mọp. Cái giống chó chịu đòn giỏi hơn cả người.

Về sau, biết thân kém hèn, nên không một lần nào Đực dám nghĩ đến sự thù hằn nữa. Nó yên phận thủ-thường. Và đối với kẻ thâm độc, than ôi ! — kỏi cái sự ngôn-ngữ hất đồng — ý như nó chỉ dành ở riêng với trời cao.



Từ đây, bắt đầu những ngày tháng buồn tênh.

Thôi còn gì nữa ! Hết cả rồi ! Dù chẳng là tù nhưng thân con Đực có khác chi thây một tội nhân phải vĩnh-viễn giam cầm bên trong cái cánh cửa sỏ, kiếp kiếp đóng chặt lại, không thể có khóa nào mở được. Mà ngoài kia thì này là trời xanh, này là nước bạc, này bướm ; này chim ; vạn vật sinh-linh như rạo-rực lên trong một nguồn sống mãnh-liệt.

Loài người mình, khi thất-vọng một điều gì, thường hay cúi-kính và dâm ra liêu-lĩnh. Hoặc yếu linh-hồn một chút, liền trở nên rầu-rĩ, chán nản. Nhưng bản cái kho trí khôn mờ tối của con chó không có, không biết đến những sự phiền-phức ấy. Nó chỉ biết có một điều cúi-kính. Nó cúi kính đợp thẳng Lặc một miếng. Người ta đã trả lời cuộc báo thù của nó bằng một trận đòn dữ-dội quá thì nó chưa hận thù rồi. Nó chỉ còn bực mình suông thôi. Nó bực mình với phía khác, với em nó, với đồng-bào nhà nó. Bởi vì thế là nó *hết cả rồi* ! Đời có còn chi ?

Trước tiên là cúi với con em. Mấy hôm ốm vì bị thiếu, phải nằm lử một xó, Đực nhận ra rằng : cái con em đồn-mạt đã chẳng thương xót gì anh thì chớ mà nó lại còn kéo đàn, kéo lũ ở ngoài đường ngõ với bọn bạn hữu giăng hoa. Cho nên đến khi khỏi, suốt buổi Đực chỉ chuyên có việc cắn vặt em. Gặp chỗ nào cũng gừ. Luôn-luôn nó hếch môi lên, nheo mắt lại và chìa cả hai hàm răng trắng tênh như ngà có đôi nanh nhọn hoắt mà gặm-gtè, làm bộ như sắp giết em đến nơi. Chị ả sợ hãi, cúp đuôi lẩn ra chỗ khác. Nhưng kể con

Đực cũng quá-quắt lắm. Nó bực em nó cả ngày. Cái trò bị đánh mãi thì coi thường đòn, con Cái không biết sợ nữa. Nó cũng gâu trả lại, mỗi khi bằng anh bắt lương đả nó.

Sau con Đực chắc cũng biết hục-hặc như thế là vô lý. Nó thôi. Bởi nếu mà cẩu thì cứ còn cẩu cả đời. Ở cái tuổi trẻ măng măng của con bé, nó đề-nén làm sao được sống tình dào-giạt. Đực lại bỏ đi gây sự đánh nhau rắc-rối với người ngoài. Nó sinh ra rất ghét tất cả những cuộc tụ-bạ ở các ngã ba, ngã tư đường. Nó tưởng như lũ chó chưa thiến chỉ đứng đấy để chế giễu nó. Cho nên, nếu người ta còn trông thấy nó ra đó, là nó ra đề choảng nhau. Nó cắn tuốt, không trừ một con nào. Thắng hoặc đôi khi, ngó thấy một con chó đơn-mơn quá, động tình, nó cũng hít-hít ... nhảy nhẩy. Nhưng cái thời xuân xua đã đi đâu mất rồi !

Nó mới ngán-ngẫm ra, Nó mới tộp cho chị ả một miếng nặng. Thế là cả họ, cả tụi nhà con chó cái mĩ-miêu nọ kéo đến gầm-gừ, khởi một cuộc xung-dột tan-hoang.

Nhưng rồi anh cắn nhau mãi cũng buồn.

Đời đã sẵn buồn, như thế lại càng buồn chán hơn.

Con Đực thôi không hay táo-tợn nữa. Nó tìm kết bạn với một vài anh chó già hoặc cũng đã hết xuân như nó. Thiến lại chơi với thiến ; đồng bệnh, người ta sẽ hiểu nhau hơn.

Quả-nhiên thế thật. Những bác chó chán đời này thân-mật với nhau lắm. Những sớm mùa hạ, trời mới hồng ửng chứ chưa có nắng, cả bọn quần nhau, đùa nghịch thung-thăng ở ngoài cánh đồng lúa xanh.

Đực không chơi bởi — hay là muốn cũng không chơi bởi được nữa — thì người bần bèo ra. Những chòm lông mọc dài, óng-ả và mỡ-màng. Dáng đi của nó đang-hoàng và bệ-vệ ; những gióng chân bước đều-dặn, đôi con mắt lừ-ừ như trong đầu nó đang nghĩ-ngợi xa-xôi hay triết lý một điều gì. Thân nó chắc nịch, và chỉ trong có đôi, ba năm trời nó đã to bằng một con lợn hạng nhỏ.

Cái tính hung-hăng thuở trẻ của nó mất hẳn. Nó lừ-ừ và hiền-hậu trở lại. Nếu có khách vào nhà, nó cũng chỉ cấn oang-oang mấy tiếng làm hiệu chứ không xô đến lộn chân người ta như trước nữa.

Nó thường nằm ở găm phán, hè, lối trông ra ngõ. Ngày nó nằm, đêm nó đi mò suốt canh. Nó tuần phòng. Con chó khôn quá! Khi người ta kéo nó ra khỏi con đường tình ái thì nó mới trông thấy con đường nghĩa-vụ. Bởi vì giống chó sinh ra đời chẳng là để làm cái chức việc giữ nhà hay sao ?

Bây giờ con chó Cái đã chữa. Nó vác cái bụng đi khạng-nặng. Như thế trông xấu đi nhiều, mất cả cái vẻ tự-nhiên. Được ít lâu nó đẻ ra lúc-nhúc bốn năm mủn chó con. Cái đàn chó nhỏ ấy cứ rúc đầu vào bú mẹ tòm-tộp cả ngày. Những chiếc vú xinh xẻo của mẹ Cái dài ra, to và mẫm như những chiếc củ cải nồm. Mỗi bước đi, một chùm tám chiếc vú lại đánh lúc-lắc sang hai bên, làm thốn-thẫn cái bụng. Ra vẻ nạ dòng quá.

Con Cái cứ đẻ năm một xòn-xòn. Mỗi lần nó ở cữ, các nhà bà con láng giềng có tình cờ tới chơi, thấy những con chó xinh-xinh lại xin một ntỏ.

Năm tháng lẫn trôi, con chó Cái gầy rạc và xấu xa mãi đi. Mà anh Đực vẫn như nguyên. Có phần anh lại còn béo đầy thêm. Thằng em con nhà di tôi, mỗi khi

ngịch tình, thường túm cổ con chó, cuỡi lên lưng nó như người ta cuỡi lưng ngựa. Chân thẳng bé vừa xệt đất. Con Đực có thể mang trên lưng thẳng bé lên tám tuổi ấy mà đi chậm-chạp từng bước một, từ đầu sân nọ tới đầu sân kia.

Bọn trẻ thích Đực lắm. Chúng nô vờ nó cả ngày. Chúng buộc dây và đeo chuông vào cổ con Đực mà giả cách tưởng nó làm ngựa, cho nó chạy nhong-nhong. Mỗi bận, những đứa bé sờ tay vào đầu, vào tai Đực, Đực lại sung-sướng lim-him đôi mắt lại và ngoe-ngoáy cái đuôi. Nó hiền như bụt đất.

Và nó ăn ở có giờ giấc hẳn-hoi. Ngày đôi bữa ăn rồi lại nằm ườn bụng mà thở phập-phồng. Ban đêm, nó đi mò-mẫm. Nó dạo trên đường sân ; mỗi một bước, những cái móng nhỏ, sắc và khoằm đập xuống mặt gạch, nổi lên những tiếng lách-tách như âm-thanh ở một thứ nhạc kim. Chốc-chốc nghe hơi đâu có tiếng động, nó cần vọng gâu-gâu.



Đã đến ngoài mười mùa đông rét mướt đi qua. Thêm-thoắn mới ngày nào, giờ đã ra mười mấy năm trời.

Con Đực sống dưới mái gia-đình tôi đã hơn mười năm, từ cái ngày tôi còn có ở trên đầu một nùm hoa roi dài lê-thê xuống tận sống lưng và mặc một bộ quần áo nâu da bò có hai tay áo bóng nhẫy những quết mũi.

Đã nhiều đời thay. Ông ngoại tôi khuất núi từ một sớm mùa đông năm Canh-Thìn. Cái người đem nó ở bên kia sông sang đây đã bỏ các cháu mà ra đi mãi mãi rồi. Bà ngoại tôi, thành lưng cao ngày một gục còng xuống, không cất nhắc được mấy nổi công việc nữa.

Mấy đứa em con nhà dì tôi, thằng bé nhất cũng đã biết cắp sách đi học trường làng.

Còn Lặc, cái kẻ thù số một của con Đực gia cũng đã lớn ngót ba mươi tuổi. Hắn không ở cho nhà tôi nữa. Sống mãi ở một nơi cũng chán. Nhưng có lẽ nó chán hơn cả là ở đâu cũng thấy cái siềng nghèo kiệt đóng đai vòng quanh cổ. Năm vừa đây theo với chúng bạn, Lặc nhập vào bọn phu mộ sang vỡ rừng, ở một miền cao-su đất đỏ tận trong xứ Nam xa-xôi.

Riêng phần con Đực, con Đực chỉ lạnh-lùng trước cuộc đời và lạnh-lùng với tháng

ngày. Thỉnh-thoảng nó phả nỗi lòng vào vài tiếng cấn hoảng lên trời.

Các bạn nó cũng tan-tác hết. Con em chết đã lâu. Để nhiều quá, thân-thể gầy nhòm, bữa kia người ta liền cho nó một cái chầy vào đầu để làm một nỗi rửa hận. Con nhó nhóm bên hàng xóm, một tết Nguyên-Đán, sợ pháo mà chạy mất tích, không thấy trở về. Con Vàng có tính hay cấn trộm, ghẻ lở đầy người cũng qua đời đã bốn năm nay. Những anh đồng niên với Đục mà không thiến thì chết từ lâu lắm, dễ có đến ngót mười năm. Nếu chẳng thiến thì thọ làm sao được ! Một hai mùa chơi bời, gầy mõi xương ra, ai còn buồn phí cơm nuôi một con chó truy-lạc, còn xác xơ đến tận răng !

Câu chuyện của nó đã ra chuyện ngay xưa. Thời-gian làm ly-tán cả. Trở đi, trở về, kẻ chết, kẻ giang-hồ mất, kẻ bị bán đi nơi khác. Lại còn có kẻ xấu số mắc vào những bẫy cò-ke của tụi ăn trộm chẳng ở bờ giậu để đến nỗi chúng bắt được, đem bán cho các tửu-quán. Họ đem làm thịt, lòi lòng gan ra và móc vào chiếc móc sắt, treo cong cái lưng chó vàng ngầy ở cửa các hàng cơm những dọc đường.

Mòn mỗi trong đám chó hậu sinh bấy giờ, một mình con Đực lặng-lẽ sống cái cuộc đời tàn cực buồn thiu.



Đực nằm ở đầu ngõ vào, trên vành ổ rơm cuộn tròn, lồng trong một mảnh nắng mỏng của mùa đông hanh-hao. Cái đuôi nó cuộn lại, ba chân thu vào, còn một chân đề tỳ dưới chiếc mõm khép kín cho hếch lên cái sống mũi xam-xám. Những chòm lông trắng đẹp ngày xưa bây giờ quăn lại và kết thành từng đám bù xù.

Qua thời kỳ trai trẻ chơi bời, đến lúc tỉnh ngộ với cái thân hình tráng-khiến rồi lần-lần bước sang tuổi già, con Đực cũng héo hắt dần.

Đực không còn thính tai nhanh chân như thuở trẻ. Ăn cũng nhấm nháp in-ít. Cả ngày chỉ nằm tròn. Được mấy hôm nay hửng trời, không có mưa bụi phấn bay lẫn phẩn, con Đực tìm ra nằm sưởi nắng ở đầu tường.

Nó lão lắm, chả còn kham nổi việc coi nhà đêm hôm. Mà nhà có vườn rộng, không được con chó khôn-ngoa, lanh-lẹn, trong những đêm dài, người ta ngủ cũng chẳng dám trọn giấc.

Hôm qua, tôi đi mua ở trên chợ Bưởi về một con chó, lông vàng xám như lông bò. Anh này mới ra đời được độ gần một tuổi, khỏe và béo lẳn. Chắc nhanh trai lắm.

Nhưng phiền một nỗi, chàng ta lại chưa bị thiến.

CU LẶC

THÀNH tên là cu Lặc, chính bởi cái bụng của hắn.

Thực ở trên đời này, có thể nói rằng không còn cái gì vĩ-dại hơn cái bụng phì-nhiều của thằng cu Lặc vậy. Nó trương phình ra; nó nhẵn thín; nó tròn múp-míp; nó choán lấp cả ngực thằng Lặc và khum-khum vòng từ cổ xuống tận háng. Trên đường cong ấy, xệ một chút về phía dưới, nổi lên một cục thịt. Nom như cái nút ở lưng vò rượu. Đò cũng gọi cái nút, nhưng là cái nút rốn; nó mọc thây-lầy ra, đứng trơ-trẽn và lơ-láo giữa xa-mạc bụng. Nếu mới nhác thấy, người khéo tưởng-tượng, có thể ví như một gã ma-lanh nao tinh-nghịch, lại đi thò đầu ngón tay... từ trong bụng thằng bé ra.

Cu Lặc đeo cái bụng tầy đình, phưỡn-phệ, đi lặc-lè...lặc-lè...

Bao nhiêu người ngắm nghía nó đi, và đều cười mủm-mỉm, phê-bình nhỏ với nhau. Những lời phê-bình của cái quần chúng táp-nham đó đúc lại, tạo nên một câu chắc-chắn như thế này :

— Chà ! Ta gọi nó là thằng cu Lặc-Lè !

Rồi người ta gọi bớt đi một chữ đằng sau. Thế là thành tên.

Hắn không có quê-quán gì. Một người đàn-bà ở phương mô tê nào chẳng ai biết, đến Nghĩa-Đô làm nghề quay tơ mướn, rồi chẳng may ốm mà chết, bỏ lại cho thiên-hạ một đứa con. Thằng bé được người ta nuôi làm phúc. Nó vào ở gia-đình nhà tôi từ một ngày xưa lắm, tôi cũng không được rõ gốc tích duyên-do ra sao. Ngày còn bé cón con, thoát mới biết nhìn vả biết nhận thì tôi đã nhìn và nhận thấy cái bụng cùng cái rốn gớm-ghe của cu Lặc. Và hắn đã lớn hơn tôi nhiều.



Người trong làng tả cu Lặc bằng mấy nét thực đơn-sơ :

Bụng nó to hơn bụng ông phổng. Rốn nó vừa bằng cái bát mộc. Nó ăn như đánh trống.

Quả thật là cu Lặc ăn khỏe vừa ngoại ngạch mà vừa vô địch. Hình như chẳng bao giờ hăn no miệng. Ăn lắm vào, cái bụng tích-trữ bị phình ra quá cỡ, thì phải thôi đấy, chứ cu Lặc chẳng hề biết thế nào là no đâu. Lúc ngồi ăn, hai chân hăn soạc ra, để chỗ cho cái bụng được tự do thở và chứa. Rồi thì hăn múa đũa lên đề và, đề húp soàn-soạt. Cơm quện với nước canh cứ trôi xuống cuống họng òng-ọc như nước chảy xuống lỗ cống. Hăn ăn lấy ăn để, ăn ăn thở thở, như ăn cướp.

Nhưng thực tính hăn lại mụ-mị, hiền hiền. Mà dường như lại đá lằm-cằm. Bởi vì, có một ngày tết, đương ngồi đông-đủ cả nhà, u tôi sẻ vào bát cho hăn một ít canh miến gọi là ai cũng có chút của thơm ngày tết. Hăn húp súp một cái, rồi há hoác mồm ra, tru lên :

— Ủi chà ! *Ton-ton* quá. Chưa nuốt đã tụt vào *củ tử* !

Từ ấy, ngày tết mà ai sẻ món canh miến cho cu Lặc, cu Lặc cũng lắc đầu. Hăn sợ những sợi miến trơn và lạnh, chưa kịp nuốt, đã dám trôi tuột xuống tận cuống họng !

Trẻ con trong nhà thân với cu Lặc lắm. Bởi vì cu Lặc vừa là con bò, cu Lặc lại là con voi. Hăn cúi khom-khom, đứa nào cũng có thể tự-do trèo lên lưng và bấu lấy hai tai hăn. Cu Lặc lại vui tính, và có nhiều trò chơi kỳ-lạ.

Tôi hãy kể đại khái một trò : hăn nằm thẳng xuống đất thì cái bụng của hăn vòng cao hơn mặt. Hăn bảo một kẻ cuỗi lên. Hăn liền trợn mắt mắm môi, thót lúm bụng xuống, rồi thở phè ra một hơi dài. Thằng bé ở trên bụng cứ theo nhịp thở mà nhảy lên nhấp-nhồm, nhấp-nhò.

Ăn cơm no rồi, cu Lặc phanh áo, để lòi bụng. Hai tay hăn vỗ vào bụng, mồm hăn làm điệu trống cơm *bung-bung bập bùng, bưng-bung bập bùng*. Ấy là cái hiệu cho lũ trẻ gọi nhau :

— Anh em ơi ! Lại xem cu Lặc hát.

Cu Lặc sắp nát thực. Mặt hăn méo nhăn như cái bị nát. Nhưng hăn lại hát một câu rất là hữu tình. Trăm lần cũng như một, hăn chỉ hát độc có mỗi một câu ấy, đến đôi lũ trẻ chúng tôi cũng sắp thuộc và bắt chước được điệu gần bằng. Hăn hát rằng :

Đào niếu, em ơi ! buông mảnh,

*Con oanh học lời, chừ trên cành mai mĩa
mai.*

*Em nghĩ mình em cái cục bạc nưư tai,
Cục bạc tình chung thời có, cái trâm cài
vốn không.*

*Một duyên, hai nợ, ba tình ;
Ấy cái tang tình, ngày hai tình mười một,
Cái tình mong xong hồi tình !
À nên một, nên hai, nên ba, nên bốn.
Năm con mẹ cha nên chín, nên mười,
Soi gương tình chung nà đánh phấn,
Tang tích tịch ! Tang tình tang !
Cho ló đẹp, em sắp ra lấy chồng
Ồ ý e.... ồ e ý ồ....*

Trẻ con thích nhất đoạn này. Chúng reo lên đề tâu thưởng. Và cu Lặc cũng gộp một hồi cười hề-hề.



Cu Lặc là người như trẻ con. Bởi vì, ngoài những thì giờ phải làm, hẳn chỉ đùa với trẻ con. Nhưng giá bại đùa trẻ trong nhà có cớ gì kênh nhau lên, chắc cũng chỉ mới mó đến mũi cu Lặc. Trẻ con yêu nhất cái bụng trống của hân. Rồi yêu đến câu hát ồ ý e kia.

Nhưng bỗng một hôm, không nhớ có việc gì, một đứa trẻ gọi :

— Cu Lặc ! Cu Lặc !

Hắn trừng mắt :

— *Lày tôi bảo. Từ giờ cấm không được gọi tôi nà cu Nặc.*

Hắn nói câu ấy với một giọng khá nghiêm-nghị. Mặt hắn xăm lại, làm ra lối đứng-dẫn. Hắn tiếp :

— Phải gọi tôi nà.... anh Nặc nghe không ?

Lũ trẻ chẳng nói gì. Và cũng không dám cười. Song thốt nhiên thấy hắn trở nên đứng-dẫn thế, chúng nhìn cu Lặc bằng những đôi mắt là lạ, hơi ngần-ngor.

Một ngày kia, lại có một sự lạ hơn thế nữa. Ấy là một buổi chiều, tôi nghe u tôi nói chuyện với thầy tôi rằng :

— *Thằng cu Lặc lấy vợ rồi đấy.*

Thầy tôi sửng-sốt :

— Thế bử ?

— Nó lại xin ra ở riêng.....

Từ hôm sau ấy, mỗi chiều-chiều, lũ trẻ thấy Lặc xách guốc xuống ao, rửa chân xong, lạch-cạch đi lên, chào cả nhà rồi bước ra ngõ. Lặc đi về nhà của Lặc. Hắn ở với vợ của hắn. Việc đó là một việc hết sức mới mẻ và lạ lùng, khiến chúng tôi phải bàn tán với nhau dữ lắm, trong nhiều buổi sáng và nhiều buổi chiều.

Và từ khi nghe nói Lặc có vợ thì bọn trẻ trong nhà thường hó-háy nhìn trộm Lặc. Lặc lấy vợ ư? Kỳ nhỉ! Hẳn hóa ra chững-chạc rồi. Bởi có một hôm, rõ-ràng tôi trông thấy Lặc đội khăn xếp bằng lượt, mặc áo dài vải nâu da bò. Lần thứ nhất đấy. Cái áo dài rộng rãi che vừa kín cái bụng trống.

Tôi đi báo cái tin như vậy cho mọi đứa trong nhà đều biết.

Thế rồi chúng tôi chia tay ra *móc-xầu*. Định với nhau rằng từ giờ không đùa nào thèm — hay là chẳng dám — chơi với Lặc nữa. Hẳn đã là người lớn rồi, còn chi!



Lũ trẻ dò xem mặt vợ Lặc.

Tưởng ai, hóa ra vợ Lặc là cái con ở nhà bà hương Khoai, vẫn hay vào nhà tôi xin bèo. Vậy thì thường lắm. Tên nó là Hoa. Tên đẹp thế, nhưng người nó béo phịch-phịch, mặt nó đen thui và rõ chẳng chịt. Lúc cười, đôi mắt nó ti-hí và cả hai hàm răng nó cùng chìa ra ngoài.

Chẳng phải là họ lấy nhau vu vơ. Cũng có ái ân tình tự cần thận. Nhưng lũ trẻ chúng tôi ngờ nghếch chẳng biết gì cả. Chúng tôi chỉ biết được rằng cô ả Hoa thường vào đây xin bèo về cho lợn và

Lặc ta thường vác xào nứa, cửi chuồng
tổng ngồng ra đề lợi xuống ao vớt bèo hồ
cỏ ả.

Thế mà đã có một ngày tốt lành, hai
con người đó lấy nhau, về ở với nhau. Họ
mượn của làng một mảnh đất ở ngoài đầu
xóm, làm lên một túp nhà nhỏ. Chỗ ấy chỉ
có cỏ dại tự do mọc hoang. Nhưng Lặc ta
cũng chịu khó dọn được ở trước cửa một
khu cỏ để làm sân và lẩn lại rào giậu bằng
nứa đan chéo, như kiêu của những nếp
nhà ngăn nắp. Trong sân, hẳn giồng mười
cây đu-đu. Cái thứ cây xốc nổi, chóng
được ăn quả nhất.

Bây giờ Lặc không ăn cơm ở nhà tôi
nữa. Cuối tháng hẳn xin hai đồng rượu
tiền công. Hẳn mang tiền về để đóng gạo
ăn chung với vợ. Vợ chồng ăn cùng một
mâm. Cu Lặc, lần thứ nhất, đã gặp một
địch thủ thật là lợi hại. Cô ả cũng ăn khỏe
không kém gì chàng. Cái ngổ ỉa là cho đến
khi vét còn-cột cũng chẳng còn sót lấy
một hạt cơm thì phải đứng dậy đó. Mỗi
lần xong bữa, cô vợ khệ-nệ đứng dậy,
vuôn vai. Nếu cái bụng của nàng phưỡn
ra to phềnh thì cái bụng của chàng cũng
thế, không kém. Có phần lại hơn nữa. Cặp

vợ chồng mới liền nhìn nhau mà cười. Chàng cù nàng một cái. Ôi ! hạnh phúc thay !

Nhưng ở đời, hạnh phúc vốn là một sự chẳng bao giờ có ; người ta chỉ đặt ra hai chữ ấy để nói cho hoa mỹ mà thôi. Cho nên họ ở với nhau được hơn một tháng thì cả hai người cùng khám phá ra được một điều sâu lắm : là họ cùng ăn khỏe đến bậc nhất nhì trong thiên-hạ cả.

Tuy sức chứa của bụng Lặc vào hạng nặng tăn, nhưng chưa khi nào Lặc biết rõ mình ăn nhiều đến độ nào. Bởi hẳn chưa hề phải đong gạo. Làm cho nhà người hẳn chỉ có việc ngày đánh ba bữa no kénh. Bây giờ tiền túi bỏ ra thì hẳn thấy rằng một tháng công của cả hai người, cộng lại, không đủ cung cho miệng hai người ăn đủ. Thực là một nỗi buồn rầu. Nếu họ cùng không ăn khỏe, thì họ yêu nhau biết bao nhiêu !

Bởi cùng ăn khỏe nên họ không thể yêu nhau. Một hôm, người vợ hơi cáu một mảy vì phải ăn mới. Người chồng không nói gì, nhưng mà cũng không cười. Một hôm nữa, người vợ vét gạo để đi thổi cơm,

thấy ít quá, vắng ra một câu không được hay. Anh chồng nghe tiếng, cũng vắng ra một câu không được hay. Thế là họ xông vào đấm đá, cào cào nhau liên. Hăng quá. Còn mụ vừa cào vừa kêu làng. Nhưng chẳng một ai đến can. Ở đấy không có tứ bề hàng xóm. Họ đánh nhau chán tay, rồi thôi. Người đàn bà ngồi ôm mặt khóc hu hu. Người đàn ông bỏ đi. Nhưng đến chiều họ lại ăn cơm với nhau như thường. Và họ lại cùng cười hề hề.

Song không thể còn yêu được nữa. Cái thói đánh nhau như đã thành tính và thành lệ. Không mấy ngày là họ không réo năm đời mười đời nhau, cho ông bà ông vải của nhau ăn toàn những của ngon vật hiếm và, để kết liễu cuộc đấu khẩu, họ thui nhau từng trận cật lực. Sức vóc cùng tương đương cả, nên không ai hề gì.

Một buổi chiều nọ, vợ Lặc ở nhà chủ về nhà. Buổi sáng, hai vợ chồng đã đánh nhau to lắm. Mụ về nhà, gói gém quần áo, đôi nón và bỏ cả đôi guốc mộc vào bọc cẩn thận. Rồi mụ đánh lên một que diêm. Que diêm xòe lửa thì mụ tiếp vào một bó đóm. Cái mặt đỏ của mụ quặm lại, nom đến ghê. Mụ châm liền bó đóm ấy vào

mái bếp, về phía trong. Lửa đỏ bùng bén và cháy lên.

Mụ cặp nón, đi mất.

Lúc ngọn lửa bốc cao gần bằng ngọn tre mới có người biết. Người ta chạy dồn cả đến. Nhưng khi trông thấy lửa hoành hành ở một cái nhà trơ vơ giữa bãi hoang thì không ai xô vào chữa. Người ta lại nhún răng ra cười.

Mãi sau cu Lặc mới hay tin. Hắn học tốc chạy về. Thì nhà của hắn chỉ còn là một đống than hầy còn hồng rực và còn ba cây đu-đu cháy đỏ bắt, chong-chổng giữa sân. Hắn đứng chắp hai tay ra sau lưng, tần ngần nhìn đám khói đen.

Rồi Lặc huỳnh huych chạy đến nhà bà hương Khoai tìm vợ. (Tội nghiệp, hắn chẳng biết gì hết!) Người ta bảo vợ hắn về từ lâu. Hắn liền cầm một cái gậy tre lớn, đi lùng vợ khắp bốn xóm trong làng Nghĩa-Đô. Nhưng không thấy con mụ đâu cả. Đến tận sáng hôm sau cũng vẫn bắt âm tín con người nội trợ không được tốt ấy.



Bây giờ Lặc lại trở về cuộc đời xưa.

Lặc làm, rồi Lặc ăn cơm và lại đi ngủ

ở nhà tôi. Còn có nghĩa nữa là Lặc ta lại về đánh bạn với lũ trẻ. Mọi khi, ở với vợ, hăn chỉ lăm li cuốc vườn cả ngày, đợi đến lúc mặt trời tà tà, hăn cùng cúc về nhà ngay, quên cả các chú bạn tí nhau. Lũ trẻ cũng lảng đi chơi với nhau, lờ cái anh cu có vợ ấy đi.

Giờ lại chơi với nhau như thường rồi. Và hăn lại dễ dàng như trước. Anh nào muốn gọi hăn là Lặc, là cu Lặc cũng được, không hề giận dỗi chi. Ai hỏi gì về vợ hăn, hăn chỉ mỉm cười vu-vơ rồi lắc cái đầu. Nếu có vui chuyện lắm, Lặc mới nói :

— *Ló gớm nãm. Ló vừa đánh, ló vừa bóp. Tôi phải thua đây.*

Một hôm, lũ trẻ nghe có tiếng *bập búng bung* ở trong vườn. Chúng vội chạy vào thì thấy Lặc ta đang giơ hai tay vỗ bụng và gân cổ lên hát cái bài « *ò ý e* » quen thuộc ngày trước. Đã lâu mới lại được nghe hăn hát, vui lạ. Hát xong, hăn nheo mắt, cười. Và hăn lại làm cái trò phập phồng bụng.

Cu Lặc lại còn có thêm nhiều trò mới nữa. Hăn có một câu đố rằng :

— *Cái thúng mà thủng hai đầu. Bên ta thời có, bên Tàu thời không. Đố nà cái gì?*

— Không biết.

— Chịu.

Có thằng hóm hỉnh :

— Là cái bụng anh Lặc.

Cả bọn cùng cười. Nhưng Lặc nói:

— Không phải. Ló nà cái váy !

Hắn giảng tỉ-mỉ những tại làm sao mà lại là cái váy. Chúng tôi nghe, lấy làm phục lắm. Hắn hăn mới học mót được của vợ. Tôi hỏi. Hắn nhìn tôi, mặt bỗng sịu lại. Tôi gặng :

— Có phải anh Lặc học của vợ anh không ?

Buồn buồn, hắn nói :

— Không phải. Tôi *nại* hát câu thề *lày* cho cậu nghe nhé. Mà hát trống quân cần thận cơ !

— Anh Lặc hát đi...

Lặc phồng bụng, xòe hai bàn tay ra vỗ :

— *Thình thùng thình... yêu nhau thời lém bả giầu, ghét nhau thời chừ lém đá vỡ đầu nhau ra... Thình thùng thình...*

Tiếng reo hoan hô vang động cả khu vườn. Mấy anh chích chòe đương vênh đuôi, cong cánh lên hót véo von, chẳng biết cà kê ra sao, vỗ cánh bay mất.

Cái câu hát lạ này, ý hẩn Lặc cũng mới học được của vợ. Đàn bà tài thực !



Một năm, đói kém quá. Hàng lụa ế đến nỗi ai đặt chân vào làng Nghĩa-Đô đều thấy vắng tanh, không nghe tiếng một con thoi chạy. Nhà tôi cũng phải nghỉ dệt lụa.

Lặc không còn việc gì để làm. Ngày kia, hẩn bỏ đi đâu mất. Không có ai biết. Được ít lâu, có kẻ nói là nghe phong thanh thấy người ta đồn cu Lặc đã nhập với bọn phu mộ đi sang Tân-thế-giới làm ăn.

Ba năm sau, vào khoảng tháng hai, gia đình tôi nhận được một lá thư xa. Ngoài bì thư có đóng dấu ở Thủ-đầu-một, Nam-Kỳ. Thư như sau này :

Dầu Tiếng le 8 tháng giêng

Tên con là Lặc. Hôm nay là tháng giêng năm mới, con có lời về mừng hai cụ, ông bà cùng là các cậu, năm mới điều được phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái. Con ở bên này lấy điều làm mừng lắm lắm. Từ ngày con ra đi làm ăn xa xôi, nhờ ơn thiên địa giới đất cũng vẫn được như thường.

Thư bất tận ngôn

Bấy nhiêu chữ viết bằng mực tím nhòe nhoẹt bò cao thấp, lồi lõm vừa kín cả một mặt mảnh giấy con, dính đũa xạm những chất nhờn của mồ hôi tay. Không thấy dễ rõ chỗ ở. Dáng hẳn Lặc ta nhờ mãi, nói khó mãi mới có được một ông bạn tốt bụng viết cho ngàn ấy chữ qui hóa.

Nghĩa-Đô năm 1941

**In xong ngày 25 Janvier
1943, tại nhà in Tân-Dân,
93 phố Hàng Bông, Hanoi.
●● đây nói số 648 ●●**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Tựa</i>	7
<i>O chuột</i>	17
<i>Tuổi trẻ</i>	31
<i>Truyện gã chuột bạch</i>	43
<i>Đôi gi đá.</i>	55
<i>Một cuộc bề dâu.</i>	73
<i>Mụ ngan.</i>	89
<i>Đức</i>	105
<i>Cu Lặc</i>	127

O CHUỘT, truyện loài vật (tập I)
của *Lô Hoài*, tựa của *Vũ Ngọc
Phan*, do *Lân - Dân* xuất bản.
Ngoài những bản thường, có
in riêng mười bản đặc biệt
bằng giấy lụa dó, không bán.
Đánh dấu từ T.D. I đến T.D
X. Những bản đặc biệt này
đều mang chữ ký của tác giả.